



Báo cáo
thường niên | **2020**



KHAI PHÁ SỨC MẠNH NỘI TẠI

NỘI DUNG



GIỚI THIỆU

Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị	06
Tổng quan về Công ty	08
Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị	18
Thông điệp của Tổng Giám đốc Điều hành	20
Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành	22
Ban Kiểm soát	24
Ban Tổng Giám đốc	25



CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

Tổ chức và nhân sự	28
Các hoạt động	30
Phân khúc kinh doanh	36
Trách nhiệm xã hội - Cam kết của chúng tôi	38
Hoạt động cộng đồng	40



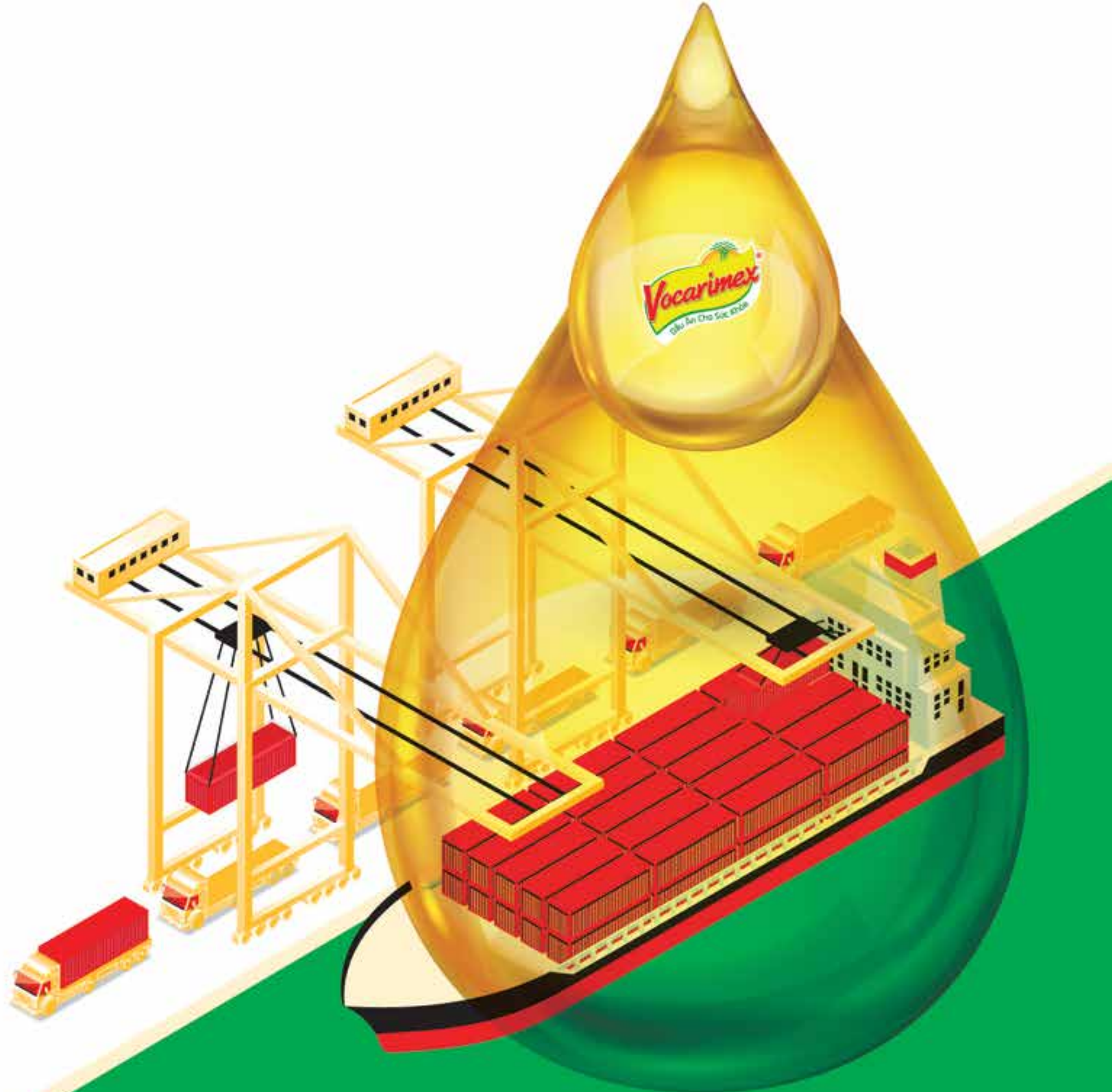
BÁO CÁO QUẢN TRỊ

Môi trường kinh doanh	44
Các điểm tài chính nổi bật	46
Hoạt động tài chính	48
Quản trị rủi ro	50
Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc	52
Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường, xã hội của Công ty	54
Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty	56
Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020	60



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Thông tin chung	67
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	68
Báo cáo kiểm toán độc lập	69 - 70
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	71 - 72
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	73 - 74
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	75 - 76
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	77 - 106



PHÁT HUY LỢI THẾ TỪ BỀ DÀY KINH NGHIỆM

GIỚI THIỆU

- Tâm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị
- Tổng quan về Công ty
- Thông điệp của Chủ tịch HĐQT
- Thông điệp của Tổng Giám đốc Điều hành
- Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành
- Ban Kiểm soát
- Ban Tổng Giám đốc





TÂM NHÌN - SỨ MỆNH



VOCARIMEX ĐẶT MỤC TIÊU ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRỞ THÀNH CHUYÊN GIA CUNG ỨNG DẦU NGUYÊN LIỆU HÀNG ĐẦU TẠI VIỆT NAM, ĐỘI NGŨ CBNV CHUYÊN NGHIỆP ĐÁP ỨNG KỊP THỜI NHU CẦU KHÁCH HÀNG, KHÔNG NGỪNG PHÁT TRIỂN MỞ RỘNG THỊ PHẦN CUNG NHƯ CÁC HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TRÊN CÁC LĨNH VỰC THỂ MẠNH NHẪM TỐI ĐA HÓA LỢI ÍCH CHO CỔ ĐÔNG, CHĂM SÓC QUYỀN LỢI CHÍNH ĐÁNG CHO NGƯỜI LAO ĐỘNG CŨNG NHƯ QUAN TÂM SÂU SẮC ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI.

Theo đó, sự phát triển của Công ty về mặt kinh tế luôn đi cùng với sự phát triển của cộng đồng, xã hội và tác động tích cực đến môi trường sinh thái xung quanh. Sự phát triển hài hòa giữa các mục tiêu chiến lược về kinh tế và môi trường, xã hội sẽ giúp Công ty đạt tăng trưởng và phát triển bền vững, đồng thời tạo dựng được mối quan hệ lâu dài với người lao động, khách hàng, nhà đầu tư, đối tác bằng những hình ảnh tốt đẹp của một doanh nghiệp hoạt động vì lợi ích chung của ngành, cộng đồng và toàn xã hội.



GIÁ TRỊ



ĐỔI MỚI

Tập trung nghiên cứu, thay đổi công nghệ, tiếp tục giữ vững và không ngừng phát triển, đẩy mạnh sản xuất nhằm tạo ra những sản phẩm dầu ăn chất lượng cao đến với người tiêu dùng. Tất cả đều hướng đến mục tiêu "Vì sự phát triển bền vững của ngành Dầu thực vật Việt Nam".



CON NGƯỜI

Xây dựng tổ hợp KIDO - Vocarimex trở thành một tập đoàn dầu ăn với các sản phẩm uy tín lớn nhất Việt Nam, đem lại lợi ích cho người tiêu dùng và góp phần phát triển đất nước. Đồng thời gia tăng thu nhập, chăm lo đời sống cho người lao động, cán bộ công nhân viên trong đơn vị.



CỘNG ĐỒNG

Là một trong những doanh nghiệp hàng đầu Việt Nam trong ngành dầu thực vật, Vocarimex luôn cam kết duy trì và thực hiện nghiêm túc các chính sách, giải pháp, hoạt động liên quan đến vấn đề bảo vệ môi trường. Điển hình như rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được phân loại, thu gom, lưu giữ trong khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có uy tín trong dịch vụ xử lý nước thải thu gom và xử lý.



CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM

Đến từ những nỗ lực của đội ngũ nhân sự và văn hóa sáng tạo Vocarimex đang nuôi dưỡng, những sản phẩm và dịch vụ mà Vocarimex mang đến cho khách hàng là một phần giá trị cốt lõi trong chuỗi giá trị của Tổng Công ty. Chúng tôi không chỉ đảm bảo cung cấp những sản phẩm tốt nhất mà còn là đơn vị dẫn đầu về chất lượng dịch vụ.



KHÁCH HÀNG

Quan niệm khách hàng là giá trị cốt lõi của doanh nghiệp, Vocarimex nỗ lực mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất hướng đến mục tiêu phát triển doanh nghiệp. Tại Vocarimex, chúng tôi không ngừng nỗ lực để phát triển đúng sản phẩm và cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp để có thể tối đa hóa lợi ích cho khách hàng.

Đối tượng khách hàng của Vocarimex chủ yếu là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, do vậy chúng tôi cam kết đem đến cho khách hàng những sản phẩm đảm bảo chất lượng nhất, an toàn, đi cùng dịch vụ hoàn hảo.



TRẢI QUA 45 NĂM THÀNH LẬP, VOCARIMEX LUÔN KHẲNG ĐỊNH VỊ TRÍ HÀNG ĐẦU TRONG SẢN XUẤT KINH DOANH DẦU THỰC VẬT VÀ ĐẦU TƯ VÀO CÁC DOANH NGHIỆP CÓ LIÊN QUAN TRONG LĨNH VỰC DẦU ĂN.



Từ những ngày đầu thành lập, Vocarimex đã đặt mục tiêu cung cấp những sản phẩm chất lượng, dinh dưỡng và an toàn đến người tiêu dùng. Và cho đến nay, mục tiêu đó vẫn luôn kiên định, thể hiện rõ trong chiến lược phát triển của Vocarimex khi đặt khách hàng ở vị trí trung tâm.

Vocarimex luôn thực hiện tốt hệ thống quản lý chất lượng đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, quản lý các sản phẩm dầu thực vật của Vocarimex đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng theo quy định của Việt Nam và các quy định trong xuất khẩu. Là đại diện ngành kinh tế, kỹ thuật dầu thực vật tại Việt Nam, Vocarimex không ngừng nâng cao năng lực cạnh tranh, giữ vững và phát triển thị phần tiêu thụ trong nước cũng như tăng cường mở rộng thị trường xuất khẩu.

Hiện tại, Vocarimex sở hữu chuỗi cung ứng hoàn chỉnh có khả năng đáp ứng nhu cầu của tất cả các nhóm khách hàng công nghiệp tại Việt Nam. Chính thức trở thành thành viên của Tập đoàn KIDO từ tháng 05/2017, Vocarimex đã tiếp tục hiện đại hóa quy trình quản trị của mình và tập trung vào việc cải thiện hiệu quả hoạt động tại các bộ phận chức năng như hệ thống vận hành, quản trị tài chính, quảng bá và xây dựng thương hiệu.





TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

1975

Tiếp quản 4 nhà máy sản xuất dầu thực vật tại miền Nam. Tổng công suất tinh luyện của các nhà máy ước đạt 18.000 tấn/năm.



1976

Thành lập Công ty Dầu thực vật miền Nam theo cơ chế quản lý Nhà nước.



1986

Công ty Dầu thực vật miền Nam đổi tên thành Liên hiệp các Xí nghiệp Dầu thực vật Việt Nam.



1991

Tiến hành hợp tác liên kết với Sime Darby thành lập Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè.



1992

Chính thức thành lập Công ty Dầu thực vật Hương liệu Mỹ phẩm Việt Nam (Vocarimex).



1996

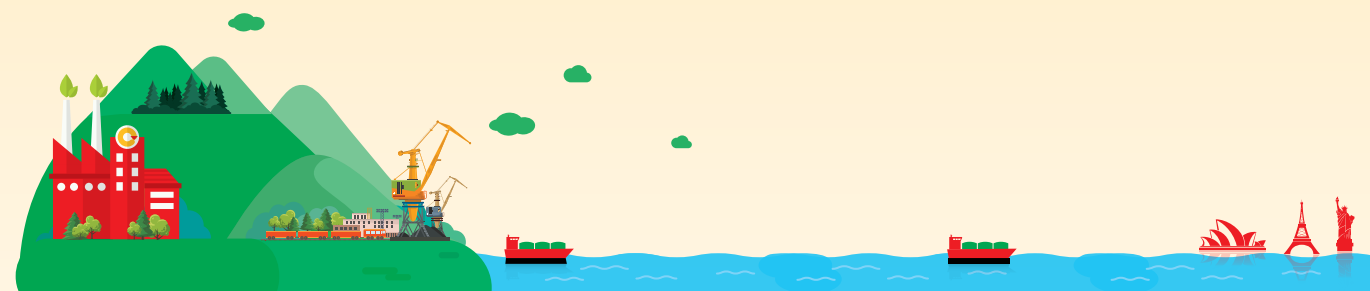
Trở thành đối tác liên kết với Wilmar thành lập Công ty Dầu thực vật Cái Lân (Calofic).



LỊCH SỬ HÌNH THÀNH



NĂM 1976, VOCARIMEX LÀ DOANH NGHIỆP CÓ VỐN NHÀ NƯỚC ĐƯỢC THÀNH LẬP VỚI MỤC ĐÍCH ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN NỀN CÔNG NGHIỆP DẦU ĂN TẠI VIỆT NAM. TRONG NHỮNG NĂM QUA, VOCARIMEX ĐÃ ĐẦU TƯ VÀ THÚC ĐẨY SỰ PHÁT TRIỂN CỦA NGÀNH CÔNG NGHIỆP VỚI NHIỀU ĐỐI TÁC CHIẾN LƯỢC TRONG KHU VỰC. BẰNG NHIỀU THƯƠNG VỤ ĐẦU TƯ CHIẾN LƯỢC, NĂNG LỰC SẢN XUẤT VÀ HỆ THỐNG KHO VẬN, LOGISTIC LỚN MẠNH, VOCARIMEX ĐÃ TRỞ THÀNH CÔNG TY HÀNG ĐẦU TRONG PHÂN PHỐI NGUYÊN LIỆU CHO CÁC NGÀNH CÔNG NGHIỆP DẦU ĂN TẠI VIỆT NAM.



2010

Sản lượng tiêu thụ đạt 750.000 tấn, Vocarimex xây dựng và mở rộng mối quan hệ hợp tác bền vững với các tập đoàn kinh doanh Quốc tế, các đối tác trong và ngoài nước. Hợp tác với Musim Mas Việt Nam thành lập Công ty TNHH Dầu thực vật miền Bắc.



2015

Vocarimex chính thức chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty Cổ phần và Tập đoàn KIDO trở thành Cổ đông chiến lược nắm giữ 24% cổ phần Tổng Công ty. Vocarimex trở thành Công ty Cổ phần Dầu thực vật lớn nhất Việt Nam với hàng loạt công ty con và công ty liên kết.



2017

KIDO nâng tỷ lệ sở hữu từ 24% lên 51% thông qua hình thức chào mua công khai.



2018 - 2020

KIDO là Công ty mẹ của Vocarimex với tỷ lệ sở hữu 51%. Vocarimex tiếp tục duy trì mảng kinh doanh thương mại, đẩy mạnh phát triển hệ thống kênh Công nghiệp và gia tăng năng lực xuất khẩu.





TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

CÔNG TY CON VÀ LIÊN KẾT



**CÔNG TY CỔ PHẦN
DẦU THỰC VẬT TƯỜNG AN**



Vốn góp chiếm tỷ lệ
26,54%

Công suất thiết kế đạt

240.000

tấn/năm.

(SẢN LƯỢNG TIÊU THỤ
BÌNH QUÂN 180.000 TẤN/NĂM)



**CÔNG TY TNHH
DẦU THỰC VẬT CÁI LÂN**



Vốn góp chiếm tỷ lệ
24%

Công suất thiết kế hơn

400.000

tấn/năm.



KIDO NHÀ BÈ

**CÔNG TY DẦU ĂN
GOLDEN HOPE - NHÀ BÈ**



Vốn góp chiếm tỷ lệ
49%

Công suất thiết kế hơn

100.000

tấn/năm.



Nakudaco

**CÔNG TY CP
DẦU THỰC VẬT TÂN BÌNH**



Vốn góp chiếm tỷ lệ
17,84%

Công suất thiết kế đạt

70.000

tấn/năm.



LG VINA Cosmetics Co., Ltd.

**CÔNG TY TNHH
MỸ PHẨM LG VINA**



Vốn góp chiếm tỷ lệ
40%



TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)

CƠ CẤU TỔ CHỨC CỦA CÔNG TY: TEAM 1, TEAM 2, TEAM 3

TEAM 1 (Team Kinh doanh): Bộ phận Kinh doanh, R&D, Marketing

TEAM 2 (Team Quản trị chuỗi cung ứng): Bộ phận QA, Kho vận, Mua vật tư

TEAM 3 (Team Hỗ trợ): Bộ phận Hành chính - Nhân sự, Tài chính - Kế toán, Hệ thống



TẦM NHÌN CHIẾN LƯỢC



EMC

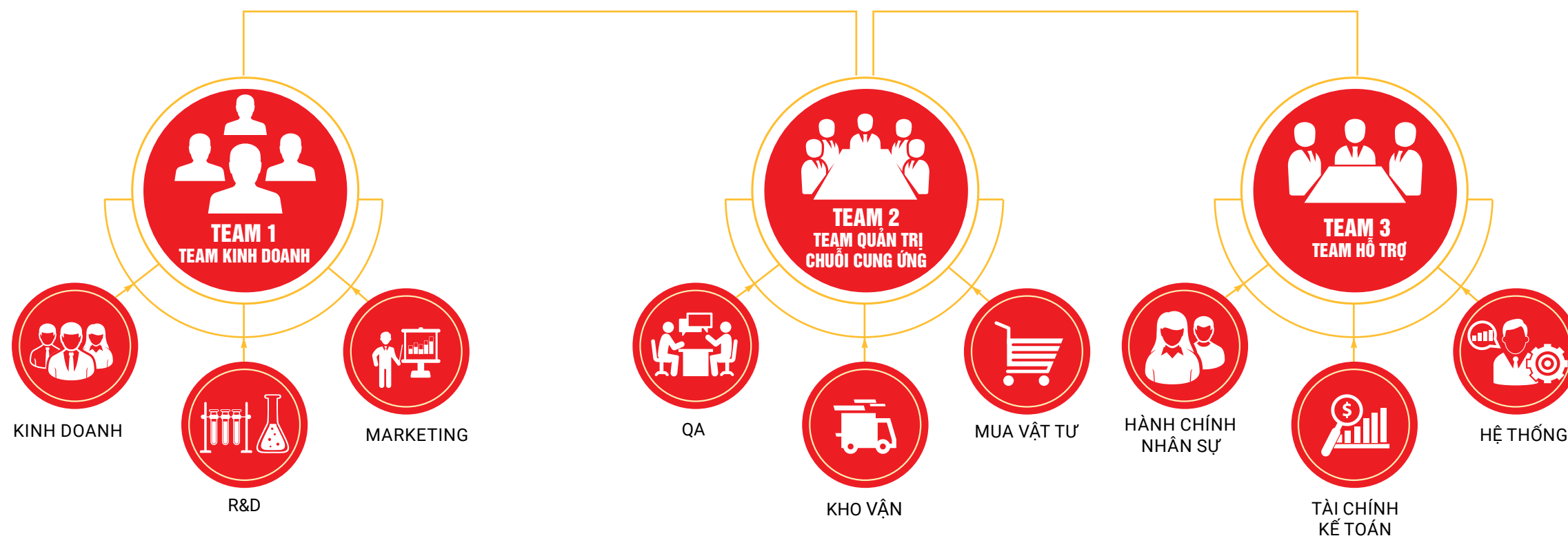


NHÓM DỊCH VỤ



ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC)

Lãnh đạo và giám sát việc thực hiện các mục tiêu chiến lược của Tập đoàn và thúc đẩy các kết quả kinh doanh chung.





TỔNG QUAN VỀ CÔNG TY (TIẾP THEO)



CÔNG TY DO ỦY BAN QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH (EMC) LÃNH ĐẠO VÀ GIÁM SÁT VIỆC THỰC HIỆN CÁC MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC CỦA TẬP ĐOÀN VÀ THÚC ĐẨY CÁC KẾT QUẢ KINH DOANH CHUNG.



Nhằm tạo sự cân bằng giữa mục tiêu ngắn hạn và dài hạn, Tập đoàn KIDO đã thực hiện tái cấu trúc để duy trì hệ thống dịch vụ tập trung và phi tập trung trong quá trình gắn kết vận hành cùng các đơn vị thành viên. Dịch vụ tập trung được nhận định là các dịch vụ có yêu cầu đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn và mang lại lợi ích từ quy mô thực hiện tại các đơn vị kinh doanh. Các hoạt động và dịch vụ phi tập trung được thiết kế hướng đến các hoạt động và bộ phận chức năng có mối tương tác chặt chẽ với thị trường và người tiêu dùng. Dịch vụ phi tập trung bao gồm các hoạt động có đầu tư ngắn hạn và yêu cầu sự ứng biến và linh hoạt thích ứng với những biến đổi của thị trường.

Tại Tập đoàn, định hướng chiến lược được thiết lập và đầu tư dài hạn nhằm hỗ trợ từng đơn vị thành viên trong Tập đoàn. Dựa trên định hướng chiến lược từ Tập đoàn, các đơn vị thành viên như Vocarimex sẽ nắm giữ vai trò then chốt khác nhau và được phép linh hoạt vận hành theo kế hoạch hoạt động hằng năm. Vocarimex được cấu trúc theo mô hình 3 Team gồm: Team Kinh doanh, Team Quản trị chuỗi cung ứng và Team Hỗ trợ. Mục tiêu của mỗi team là vận hành phối hợp để tối đa hóa hiệu quả hoạt động hướng đến mục tiêu hình thành giá trị và mang đến những trải nghiệm thiết thực cho khách hàng.



TEAM 1



TEAM 1 - TEAM KINH DOANH là team đề ra phương hướng hoạt động trong bán hàng, phân phối, tiếp thị, phát triển sản phẩm và tìm hiểu người tiêu dùng. Team 1 thường xuyên tương tác, kết nối chặt chẽ với người tiêu dùng, nghiên cứu môi trường cạnh tranh và xu hướng của thị trường. Từ đó, các bộ phận của Team 1 có thể thấu hiểu sâu sắc nhu cầu và mang đến những dịch vụ tốt nhất cho khách hàng. Vai trò của Team 1 là cung cấp thông tin phản hồi và thông tin cho toàn bộ Công ty và phối hợp chặt chẽ với các bộ phận chức năng của Công ty hướng đến mục tiêu cung cấp đúng sản phẩm, vào đúng thời điểm, ở đúng nơi và đáp ứng nhu cầu người tiêu dùng. Nhiệm vụ của các Team hỗ trợ (Team 2 và Team 3) được đặt xung quanh Team 1 để hỗ trợ, đưa ra các ý kiến nhằm phản hồi hoặc dự báo nhu cầu của khách hàng, những xu hướng của thị trường và luôn lấy người tiêu dùng là trung tâm.



TEAM 2



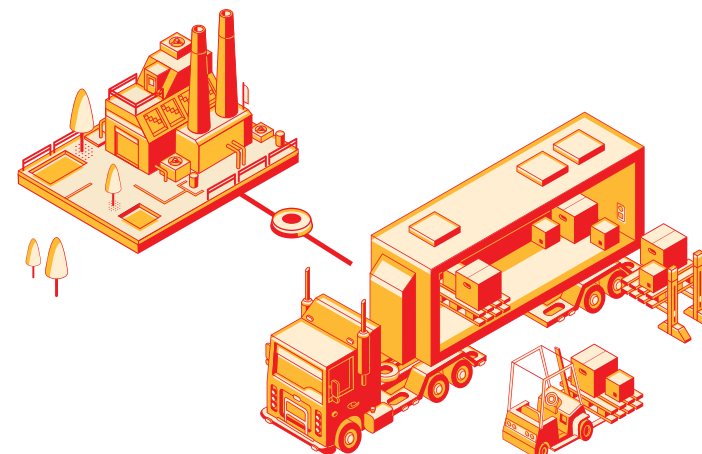
Nhóm chức năng quan trọng tiếp theo trong hệ thống vận hành của Công ty là **TEAM 2 - TEAM QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG (SCM)**, chuyên trách về các hoạt động sản xuất thành phẩm, kiểm soát chất lượng, hậu cần và kho vận. Team SCM chính là thế mạnh cốt lõi của Tập đoàn và mang lại thành công cho Vocarimex. Team SCM có trách nhiệm quản lý việc sản xuất hàng hóa, hiệu quả về sản xuất và phân phối sản phẩm đạt hiệu quả cao nhất. Sự phối hợp chặt chẽ của Team 2 với Team 1 giúp đảm bảo cung cấp đúng sản phẩm, đúng khối lượng đến đúng đối tượng khách hàng với mức giá cạnh tranh nhất. Đây là bước tiến quan trọng trong chính sách khách hàng và tăng cường phát triển lợi thế cạnh tranh cho Vocarimex.



TEAM 3



TEAM 3 - TEAM HỖ TRỢ là Team có các chức năng đặc trưng nhằm hỗ trợ cho hoạt động của Công ty bao gồm: Nhân sự, Hành chính, Kế toán Tài chính và Kế toán Quản trị. Bản chất các dịch vụ của Team 3 cung cấp liên quan đến cơ sở hạ tầng do vậy, các dịch vụ như: IT, Quản trị Quy trình Kinh doanh, Truyền thông, Quan hệ Nhà đầu tư, Quản trị Mua hàng và Tài chính được tập trung quản lý bởi Tập đoàn. Điều này cho phép mỗi công ty có thể tập trung vào việc tạo ra lợi nhuận và giá trị khác mà không bị chi phối bởi các vấn đề liên quan đến việc đầu tư cơ sở hạ tầng dài hạn.





THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2020, một năm có rất nhiều thử thách đối với Vocarimex. Covid-19 xuất hiện từ cuối năm 2019 tạo thêm thách thức lớn với nền kinh tế xã hội toàn cầu, trong đó có Việt Nam. Sau những khởi đầu đầy hứa hẹn với kết quả hoạt động khả quan trong những tuần đầu tiên của năm, toàn bộ sự chú ý của chúng tôi lại tiếp tục tập trung vào sự lây lan của đại dịch Covid-19 và đã gây ảnh hưởng đến nhiều ngành hàng. Hội đồng Quản trị đã làm việc chặt chẽ với Ban Lãnh đạo để xác định và thực hiện các biện pháp bảo vệ hoạt động kinh doanh, tăng cường khả năng phục hồi của Công ty.

Điều đầu tiên, Vocarimex đã tập trung vào việc thực hiện các biện pháp bảo vệ sức khỏe và sự an toàn của nhân viên. Thứ hai, chúng tôi thực thi những giải pháp và chiến lược cho từng phòng ban, bộ phận và từng khu vực, đồng thời cắt giảm chi phí không cần thiết, nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh. Bên cạnh đó, cũng thực hiện các biện pháp nhằm đơn giản hóa và rút ngắn quá trình ra quyết định cũng như phản ứng nhanh hơn với các điều kiện thị trường trong thời điểm dịch bệnh nhằm chủ động và linh hoạt hơn trong các chiến lược phát triển khi chuỗi cung ứng toàn cầu gần như không hoạt động.



THÔNG QUA MÔ HÌNH KINH DOANH HIỆU QUẢ VÀ THƯƠNG HIỆU 45 NĂM TRÊN THỊ TRƯỜNG CÙNG NHỮNG LỢI THẾ NỀN TẢNG ĐƯỢC TÍCH HỢP VỀ MẶT QUẢN TRỊ, TÀI CHÍNH, MARKETING, IT, HỆ THỐNG... TỪ TẬP ĐOÀN, KIDO SẼ HỖ TRỢ VOCARIMEX KHAI PHÁ ĐƯỢC SỨC MẠNH NỘI TẠI TỐT HƠN.



Có thể thấy rõ, dịch bệnh Covid-19 tác động mạnh nhất và rộng lớn nhất trong 8 thập niên gần đây đối với kinh tế toàn cầu cũng như các chuỗi cung ứng. Ngoài tác động trực tiếp gây ra trên quy mô lớn về sức khỏe và kinh tế, nó còn tác động đến những vấn đề đang xảy ra trong xu hướng thương mại, đầu tư toàn cầu, thương mại hàng hóa và đầu tư giảm sút, xu hướng tiêu dùng thay đổi, tính bất định tăng lên và niềm tin giảm xuống khiến nhiều lĩnh vực và ngành công nghiệp về cơ bản ngừng hoạt động.

Vấn đề đối với các chuỗi cung ứng là sự đứt gãy xảy ra và lan rộng quá nhanh, trên hầu hết các lĩnh vực công nghiệp, dịch vụ. Sự gián đoạn trong toàn bộ chuỗi giá trị - phân phối, tiếp thị và quảng cáo, bán hàng, hậu cần... rõ nhất là sự thiếu vắng những nhà cung cấp hoặc những khách hàng tiềm năng có thể thay thế, bởi thế giới đã phụ thuộc quá nhiều vào những nguồn cung cũng như các thị trường tiêu thụ chủ lực của thế giới.

Nếu như kết thúc năm tài chính 2019, Vocarimex hoàn thành 100% kế hoạch thì năm 2020, Vocarimex chỉ thực hiện được 90% kế hoạch năm. Doanh thu giảm chủ yếu do các hoạt động kinh doanh thương mại giảm do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19, đồng thời việc đóng cửa Cảng ở Trung Quốc và Bắc Hàn khiến việc xuất khẩu gặp vô vàn khó khăn. Bên cạnh đó, giá dầu nguyên liệu đột biến tăng cao trong quý IV/2020 đã khiến khách hàng rơi vào tâm lý hoang mang, kéo sức mua giảm, dẫn đến việc các hợp đồng đã ký kết trước đó đều bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Chúng tôi đã nỗ lực thực hiện tất cả các thay đổi cần thiết để bảo vệ hoạt động kinh doanh hiện tại & tìm kiếm những cơ hội mới để đưa Vocarimex phát triển, mở lối đi riêng.

Kính thưa Quý Cổ đông,

Để Vocarimex có thể phát triển tốt hơn trong một môi trường hoạt động ngày càng khắc nghiệt, chúng tôi đã nhanh chóng thiết kế lại các chiến lược kinh doanh của mình. Từ góc độ Công ty, chúng tôi đã chuẩn bị kỹ lưỡng những kịch bản kinh doanh khác nhau, chủ động thay đổi theo từng diễn biến của tình hình thị trường và sẵn sàng đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng ngay sau khi mọi thứ quay trở lại trạng thái bình thường. Thông qua mô hình kinh doanh hiệu quả và thương hiệu 45 năm trên thị trường cùng những lợi thế nền tảng được tích hợp về mặt Quản trị, Tài chính, Marketing, IT, Hệ thống... từ Tập đoàn, KIDO sẽ hỗ trợ Vocarimex khai phá được sức mạnh nội tại tốt hơn.

Mặc dù điều kiện thị trường dự kiến vẫn còn nhiều thách thức trong năm tài chính mới và có khả năng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hiện tại, Vocarimex sẽ tiếp tục phát huy tối đa thế mạnh về hệ thống nhà máy, cảng biển và kho bãi có trữ lượng lớn đã được đầu tư để có thể đáp ứng các tiêu chuẩn khắt khe từ các đơn vị lớn trên thị trường dầu thế giới, để cung cấp tối ưu sản phẩm theo tiêu chuẩn và yêu cầu của doanh nghiệp trong nước. Ngoài việc tăng cường dự báo tình hình nguyên liệu để có được nguồn nguyên liệu giá tốt, trong thời gian tới chúng tôi tiếp tục tập trung khai thác khối khách hàng kênh công nghiệp sử dụng dầu công thức, mảng thương mại nhiều tiềm năng và tiếp tục phát triển mở rộng lĩnh vực kinh doanh xuất khẩu.

Cùng đội ngũ CBCNV, tôi mong rằng Vocarimex sẽ tiếp tục nhận được sự tin tưởng, đồng hành và sự hợp tác bền chặt của các đối tác kinh doanh, Quý cổ đông, Nhà đầu tư, Đối tác, Nhà cung cấp để cùng nhau vượt qua khó khăn, thách thức và hoàn thành kế hoạch đề ra.

Một lần nữa, tôi xin chân thành cảm ơn sự ủng hộ và đồng hành của Quý Cổ đông, các Nhà đầu tư liên tục thúc đẩy tầm nhìn chung, đồng hành cùng Vocarimex cho những chặng hành trình tiếp theo.

TRẦN KIM THÀNH

Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP



THÔNGIỆP CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH



ĐỂ NỖ LỰC HOÀN THÀNH KẾT QUẢ KINH DOANH 2020, TOÀN THỂ CÁN BỘ CÔNG NHÂN VIÊN CỦA CÔNG TY ĐÃ THAY ĐỔI TRONG VIỆC CẢI TIẾN HIỆU QUẢ SẢN XUẤT, CẢI TIẾN NĂNG LỰC PHÁT TRIỂN, KHI ĐƯỢC TÍCH HỢP LỢI THẾ TỪ TẬP ĐOÀN KIDO CÙNG KINH NGHIỆM VÀ SỰ AM HIỂU SÂU SẮC VỀ NGÀNH DẦU ĂN. ĐIỀU NÀY LÀ ĐỘNG LỰC ĐỂ CÔNG TY TIẾP TỤC NỖ LỰC MANG ĐẾN CHO KHÁCH HÀNG NHỮNG SẢN PHẨM NGÀY MỘT TỐT HƠN, CẢI THIỆN TỐT NĂNG LỰC VÀ MỨC THU NHẬP CHO NHÂN VIÊN.



Kính thưa Quý Cổ đông,

2020 là một năm đầy thử thách cho tất cả các doanh nghiệp. Năm vừa qua, hoạt động kinh doanh của Vocarimex bị ảnh hưởng từ giữa tháng 3 khi Covid-19 lan rộng từ châu Á sang châu Âu và sau đó trên toàn cầu, buộc các quốc gia phải đóng cửa. Mọi người đã ngừng đi du lịch và việc mua sắm chủ yếu tập trung vào việc mua các vật dụng cần thiết trong gia đình. Theo đó, Vocarimex đã chủ động điều chỉnh chiến lược kinh doanh và cân đối tài chính cho phù hợp với tình hình. Đồng thời, chúng tôi tập trung vào các mục tiêu dài hạn của mình và tiếp tục đầu tư vào các sáng kiến chính để hỗ trợ tăng trưởng bền vững.

Đại dịch Covid-19 bắt buộc chúng ta phải linh hoạt trong các chiến lược - định hướng phát triển của các doanh nghiệp và nhìn mọi thứ qua một lăng kính mới. Dựa vào các định hướng của Chính phủ, Việt Nam đã có thể kiểm soát dịch, đồng thời thể hiện khả năng phục hồi rất tốt. Tại Vocarimex, chúng tôi cũng đã thực hiện thay đổi một số chiến lược về bán hàng, cách tiếp cận khách hàng cũng như nhanh chóng thích nghi và kịp thời xoay chuyển các phương án kinh doanh nhằm đem lại hiệu quả và thích ứng được với bối cảnh của đại dịch. Tôi hi vọng năm 2021 tình hình sẽ tốt đẹp hơn.

Với định hướng chiến lược ngay từ ban đầu của Ban Lãnh đạo, Vocarimex đã tập trung khai thác các thế mạnh của mình, cho nên dù kinh tế thế giới nhiều biến động, kinh tế trong nước có nhiều khó khăn, môi trường bên trong và bên ngoài đều không thuận lợi nhưng các mảng vẫn luôn cố gắng có thể hoàn tất kế hoạch ban đầu đề ra. Ngoài các năng lực về thương mại mạnh mẽ, danh mục sản phẩm của Vocarimex về các loại nguyên vật liệu đầu ăn phục vụ cho ngành công nghiệp tiêu dùng cũng như các ngành công nghiệp khác có nhu cầu về dầu, chúng tôi vẫn đáp ứng được về độ tin cậy và tính chính trực, vị thế dẫn đầu của thương hiệu trong lĩnh vực của mình.

Bên cạnh đó, năm vừa qua Vocarimex đã tiết giảm toàn bộ các chi phí không mang lại hiệu quả để đưa Công ty vượt qua khó khăn nhằm hoàn thành kế hoạch năm đã được Ban Lãnh đạo Tập đoàn đề ra. Bên cạnh việc tìm kiếm các nguồn khách hàng công nghiệp mới, Vocarimex đã hoàn thành kế hoạch trong năm 2020, gia tăng độ phủ, đẩy mạnh các chiến lược các thị trường xuất khẩu tiềm năng, mở rộng phạm vi hoạt động, xây dựng năng lực lợi thế về giá và chi phí vận hành thấp.

Hôm nay, tôi rất vui mừng và hân hạnh được trình bày với Quý Cổ đông về kết quả hoạt động kinh doanh của Vocarimex trong năm vừa qua.

Kết thúc năm tài chính 2020, Vocarimex đạt doanh thu thuần 2.598 tỷ đồng, tăng nhẹ 0,2% so với năm 2019. Theo đó, lợi nhuận trước thuế 2020 đạt mức 234 tỷ đồng, giảm nhẹ 3,7% so với năm 2019. Toàn bộ đội ngũ Vocarimex đã cùng nhau “ngược dòng” vượt khó mùa dịch Covid-19.

Để nỗ lực hoàn thành kết quả kinh doanh 2020, toàn thể cán bộ Công nhân viên của Công ty đã thay đổi trong việc cải tiến hiệu quả sản xuất, cải tiến năng lực phát triển, khi được tích hợp lợi thế từ Tập đoàn KIDO cùng kinh nghiệm và sự am hiểu sâu sắc về ngành dầu ăn. Điều này là động lực để Công ty tiếp tục nỗ lực mang đến cho khách hàng những sản phẩm ngày một tốt hơn, cải thiện tốt năng lực và mức thu nhập cho nhân viên.

Bước vào năm tài chính 2021, toàn Tập đoàn đã có những thay đổi, tái cấu trúc về hoạt động kinh doanh và đề ra những chỉ tiêu cụ thể cho tất cả các Công ty thành viên, nhằm nâng cao sức mạnh nội lực. Trong năm nay Vocarimex sẽ chuyển giao mảng bán dầu sỉ về cho Tập đoàn, tập trung vào mảng bán lẻ như phát triển các công thức dầu cho các ngành công nghiệp trên cả nước cũng như đẩy mạnh xuất khẩu và thương mại. Dựa vào định hướng từ Ban Lãnh đạo, Vocarimex đặt kế hoạch doanh thu dự kiến 1.280 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế dự kiến là 57 tỷ đồng. Với tất cả những gì Vocarimex đã phải đối mặt trong năm vừa qua, tôi vẫn lạc quan về cơ hội phát triển phía trước.

Tôi trân trọng cảm ơn sự đồng hành, ủng hộ của Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác để có thể đi cùng chúng tôi trong suốt một hành trình khó khăn của năm 2020. Chính sự tin tưởng, hợp tác của Quý vị đã góp phần quan trọng cho sự lớn mạnh của Vocarimex. Trên chặng đường phát triển mới, tôi mong Quý Cổ đông sẽ tiếp tục giữ vững niềm tin và sát cánh Vocarimex chinh phục những thành công mới.

Sau cùng, tôi xin kính chúc sức khỏe, thành công đến Quý Cổ đông, Quý Nhà đầu tư, Quý Đối tác, Đội ngũ cán bộ công nhân viên của Vocarimex.

NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

Tổng Giám đốc Điều hành
Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP
Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN ĐIỀU HÀNH



ÔNG TRẦN KIM THÀNH

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT
VIỆT NAM - CTCP**

Ông Thành được bổ nhiệm vị trí Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Vocarimex từ năm 2014 và dẫn dắt quá trình tái cấu trúc Tổng Công ty phát triển thành đơn vị hàng đầu trong ngành dầu thực vật Việt Nam.

Ông Thành là một doanh nhân nhiều kinh nghiệm trong quản lý và điều hành kinh doanh. Là thành viên đồng sáng lập kiêm Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, bằng kinh nghiệm và chiến lược sắc bén của mình, ông đã góp phần quan trọng trong việc dẫn dắt Tập đoàn KIDO trở thành một trong những Tập đoàn Thực phẩm hàng đầu tại Việt Nam.

Bên cạnh vai trò là Chủ tịch Hội đồng Quản trị Tập đoàn KIDO, ông còn là thành viên Hội đồng Quản trị của rất nhiều tập đoàn quy mô khác hoạt động trong lĩnh vực kinh tế tư nhân.



ÔNG TRẦN LỆ NGUYÊN

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT
VIỆT NAM - CTCP**

Là doanh nhân thành đạt, một nhà lãnh đạo quyết đoán với những thành tích kinh doanh nổi bật trong nhiều thập niên qua. Ông Nguyên là thành viên đồng sáng lập và là Phó Chủ tịch kiêm Tổng Giám đốc của Tập đoàn KIDO. Dưới sự điều hành của ông, KIDO trở thành một trong những thương hiệu nổi tiếng nhất Việt Nam, sở hữu danh mục sản phẩm phong phú và dẫn đầu thị trường. Ngoài ra, ông cũng rất thành công trong một loạt các thương vụ M&A nổi tiếng tại Việt Nam.

Ông Nguyên cũng là Ủy viên Hội đồng Quản trị Phòng Thương mại Công nghiệp Việt Nam (VCCI), đồng thời giữ các chức vụ quan trọng trong các Công ty hàng đầu khác tại Việt Nam.



BÀ NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ &
TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay, bà là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty KIDO Nhà Bè, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc Điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính.

Bằng kinh nghiệm và chuyên môn sâu rộng, cùng với tư duy năng động, bà đã có những đóng góp thiết thực cho việc tích hợp giá trị sau chuyển đổi M&A, tạo nên những thành công nhất định trong việc tái cấu trúc Vocarimex sau cổ phần hóa.

Bà tốt nghiệp Cao học, đồng thời bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sĩ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế Tp. HCM. Bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ Ngành Trung ương, giải thưởng Bông Hồng Vàng, giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch nước trao tặng.



BÀ TRẦN THỊ HỒNG LĨNH

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU
THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Bà Linh công tác tại Ban ĐT4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) và được SCIC cử làm người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần Dược phẩm TBYT Hà Nội (Hapharco), Công ty Cổ phần Thiết bị Khí tượng Thủy văn & Môi trường Việt Nam với vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị ở những công ty này. Bà Linh có bằng Cử nhân Quản trị Kinh doanh, bằng Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



ÔNG NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
& PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Có hơn 32 năm làm việc tại Vocarimex, ông Cường là người giàu kinh nghiệm quản lý, điều hành mà trọng tâm là công tác tài chính, kế toán tại Tổng Công ty. Ông Cường có bằng Thạc sĩ Kinh tế và có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển và thành công của Vocarimex.

Với những đóng góp của mình ông đã vinh dự được tặng Huân chương Lao động Hạng III, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Công thương, Bộ Tài chính, danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc và nhiều bằng khen khác của các cấp, ban ngành.



BAN KIỂM SOÁT



ÔNG PHẠM VĂN TRƯỜNG

**TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Ông Trường hiện đang là Trưởng phòng Kiểm soát nội bộ tại Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP. Là người giàu kinh nghiệm tại vị trí kiểm soát nội bộ nhiều năm liền ông Trường có bằng Cử nhân chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán tại Đại học Kinh tế TP.HCM.

BÀ NGUYỄN THỊ NGỌC CHI

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Bà Chi hiện là Trưởng phòng Ngân sách của Tập đoàn KIDO. Bà có bằng Cử nhân chuyên ngành: Kế toán - Kiểm toán và bằng Thạc sĩ Tài chính Ngân hàng.

BÀ NGUYỄN LÊ TRÀ MY

**THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP
DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Bà My công tác tại Ban ĐT4 Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh Vốn nhà nước (SCIC) và được SCIC cử làm người đại diện vốn Nhà nước tại Công ty Cổ phần In Khoa học Kỹ thuật với vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị. Bà My có bằng Cử nhân Tài chính - Ngân hàng, bằng Thạc sĩ Tài chính - Tín dụng và Lưu thông tiền tệ tại Đại học Kinh tế Quốc dân Hà Nội.



BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



BÀ NGUYỄN THỊ XUÂN LIỄU

**TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC
VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu đã gắn bó với Tập đoàn KIDO từ năm 2014 và hiện nay, bà là Phó Tổng Giám đốc Tập đoàn KIDO, Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty KIDO Nhà Bè, Thành viên HĐQT Tường An, Tổng Giám đốc Điều hành Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - CTCP (Vocarimex). Bà đã có hơn 30 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực Tài chính.

Bằng kinh nghiệm và chuyên môn sâu rộng, cùng với tư duy năng động, bà đã có những đóng góp thiết thực cho việc tích hợp giá trị sau chuyển đổi M&A, tạo nên những thành công nhất định trong việc tái cấu trúc Vocarimex sau cổ phần hóa.

Bà tốt nghiệp Cao học, đồng thời bảo vệ xuất sắc luận án Tiến sĩ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh tế TP. HCM. Bà vinh dự được nhận bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, các Bộ Ngành Trung ương, giải thưởng Bông Hồng Vàng, giải thưởng Doanh nhân Việt Nam và Huân chương Lao động của Chủ tịch nước trao tặng.

ÔNG NGUYỄN HÙNG CƯỜNG

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU
THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Có hơn 32 năm làm việc tại Vocarimex, ông Cường là người giàu kinh nghiệm quản lý, điều hành mà trọng tâm là công tác tài chính, kế toán tại Tổng Công ty. Ông Cường có bằng Thạc sĩ Kinh tế và có nhiều đóng góp quan trọng vào sự phát triển và thành công của Vocarimex.

Với những đóng góp của mình ông đã vinh dự được tặng Huân chương Lao động Hạng III, bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, bằng khen của Bộ Công thương, Bộ Tài chính, danh hiệu Chiến sĩ Thi đua toàn quốc và nhiều bằng khen khác của các cấp, ban ngành.

ÔNG BÙI THANH TÙNG

**PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU
THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP**

Ông Tùng có trên 22 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh tại doanh nghiệp trong nước và nước ngoài. Ông tốt nghiệp khoa Quản trị Kinh doanh trường Đại học Kinh tế và hoàn thành khoá đào tạo Kỹ năng Lãnh đạo cấp cao của trường đại học UCLA Anderson (Los Angeles, Mỹ).

TẬN DỤNG THỂ MẠNH TỪ SỰ AM HIỂU THỊ TRƯỜNG

CHIẾN LƯỢC & VẬN HÀNH

- Tổ chức và Nhân sự
- Các hoạt động
- Phân khúc kinh doanh
- Trách nhiệm xã hội - Cam kết của chúng tôi
- Hoạt động cộng đồng



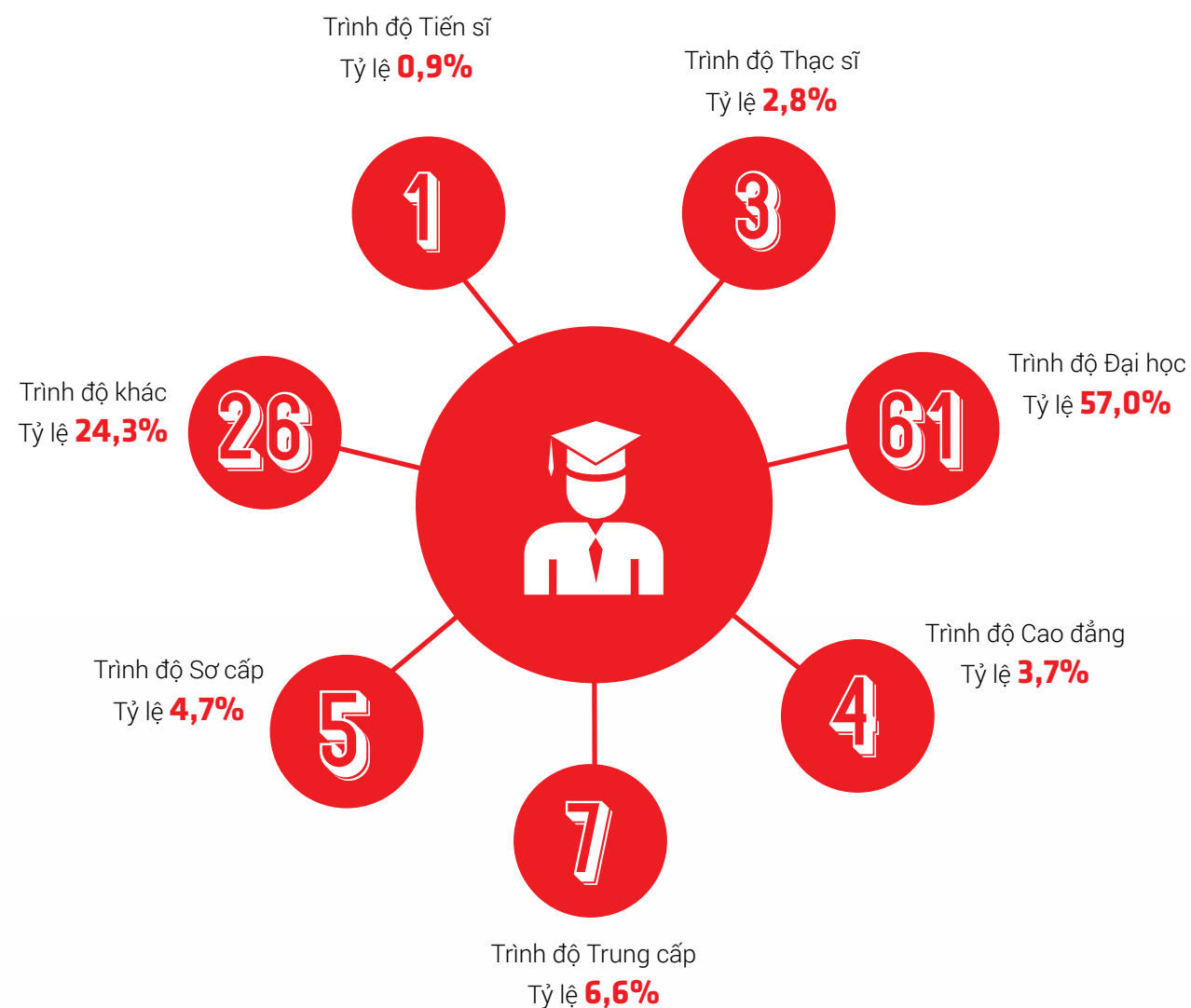
TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ



Tính đến thời điểm ngày 31/12/2020, tổng số CB.CNV của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu thực vật Việt Nam là:

107

NGƯỜI



ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC NHÂN SỰ

Một chiến lược nhân sự hiệu quả là điều cần thiết cho sự thành công của một doanh nghiệp. Tập trung xây dựng và phát triển đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp, phù hợp với hệ thống quy trình được thiết lập chặt chẽ, hợp lý. củng cố năng lực, chuyên môn của bộ máy nhân sự, trong đó chú trọng việc nâng cao hiệu quả của hoạt động đào tạo nhằm bồi dưỡng kiến thức, tăng cường nghiệp vụ của đội ngũ nhân viên, đồng thời xây dựng đội ngũ cán bộ quản lý chủ chốt, đội ngũ kế thừa có kinh nghiệm và nhiệt huyết để đưa Công ty ngày càng phát triển.

Mỗi quản lý cấp cao được trao quyền tự quyết để chủ động trong việc thiết lập, xây dựng các mối quan hệ đối tác cả bên trong và bên ngoài nhằm thúc đẩy Công ty phát triển mà không vi phạm các chuẩn mực đạo đức.



ĐÀO TẠO NHẪM BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC



TĂNG CƯỜNG NGHIỆP VỤ CỦA ĐỘI NGŨ NHÂN VIÊN



XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ QUẢN LÝ CHỦ CHỐT





CÁC HOẠT ĐỘNG

MÔ HÌNH KINH DOANH

Vocarimex với năng lực sản xuất 130.000 tấn dầu/năm.



VOCARIMEX

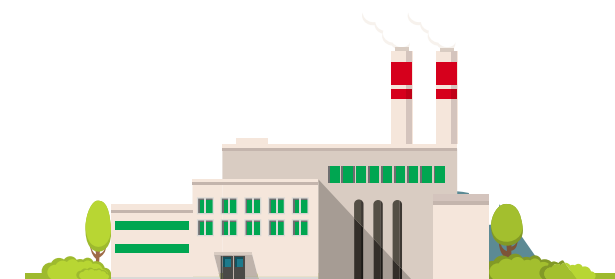
VỚI NĂNG LỰC SẢN XUẤT

130.000

TẤN DẦU/NĂM



Nghiên cứu & phát triển các loại dầu ăn và chất béo tùy chỉnh, phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng khối khách hàng công nghiệp khác nhau như: Bánh kẹo, sữa, mì ăn liền, hải sản, dược phẩm và mỹ phẩm.



Đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008, ISO 2000:2015, HACCP, CODEX.



Xưởng tinh luyện công suất 130.000 tấn/năm.

130.000

TẤN/NĂM

Xưởng ép dầu mè đạt chuẩn xuất khẩu vào thị trường Nhật Bản, công suất 4.000 tấn dầu mè/năm.

4.000

TẤN/NĂM



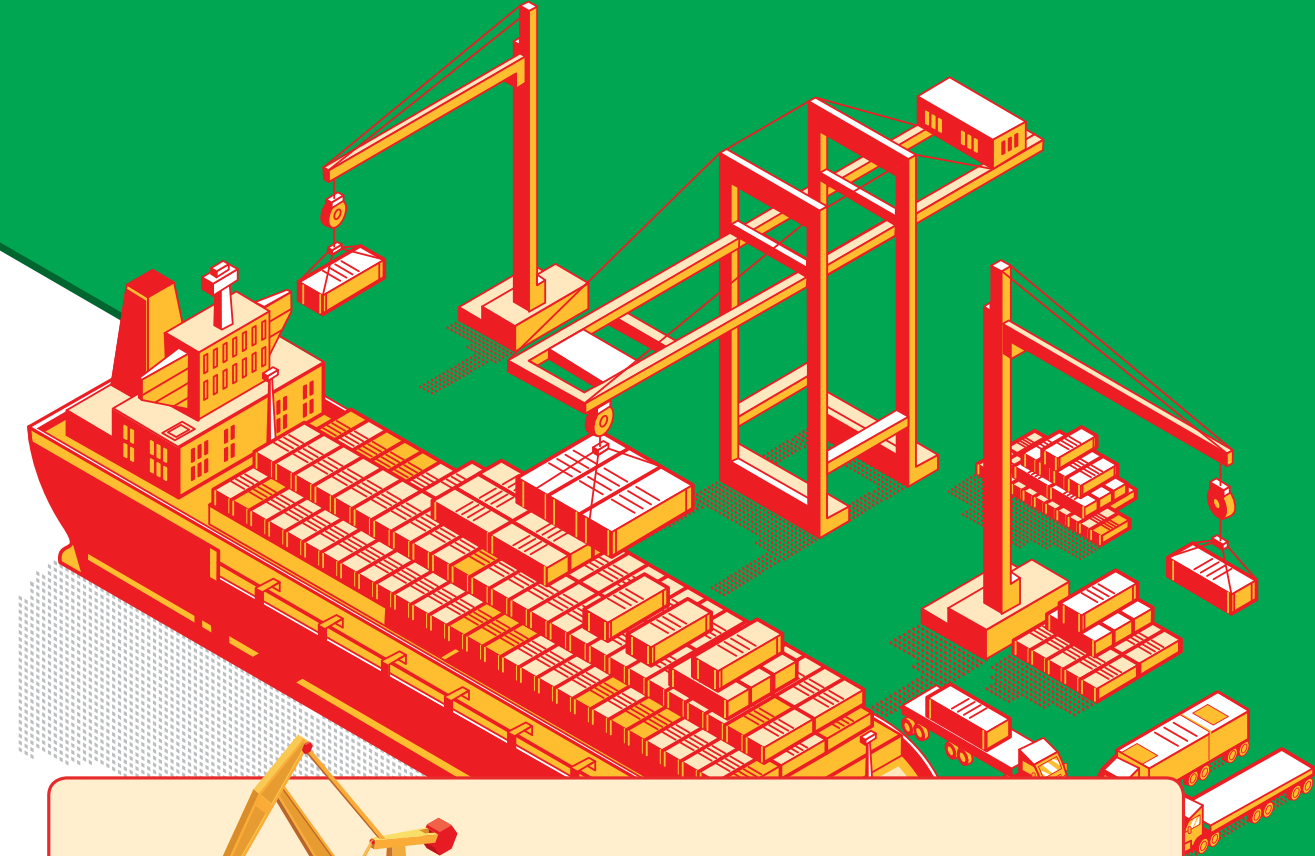
CÁC HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

MÔ HÌNH KINH DOANH (TIẾP THEO)

Sở hữu cảng Nhà Bè



CẢNG NHÀ BÈ LÀ CẢNG NƯỚC SÂU ĐA NĂNG TỌA LẠC TẠI TP.HCM. CẢNG ĐƯỢC TRANG BỊ 4 CẦU TÀU HIỆN ĐẠI CÙNG KHO BÃI QUY MÔ CÓ KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN TÀU HÀNG CÓ TRỌNG TẢI 20.000 DWT, TÀU DẦU CÓ TRỌNG TẢI 5.000 TẤN.



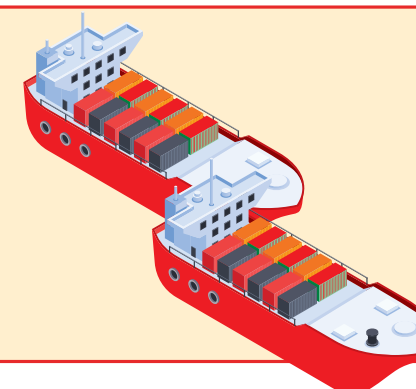
CẢNG ĐƯỢC TRANG BỊ

4 CẦU TÀU HIỆN ĐẠI



TIẾP NHẬN TÀU HÀNG CÓ TRỌNG TẢI

20.000 DWT



TIẾP NHẬN TÀU DẦU CÓ TRỌNG TẢI

5.000 TẤN



CÁC HOẠT ĐỘNG (TIẾP THEO)

NĂNG LỰC CỐT LÕI

Năng lực R&D và công nghệ hiện đại

NĂNG LỰC R&D VÀ CÔNG NGHỆ HIỆN ĐẠI

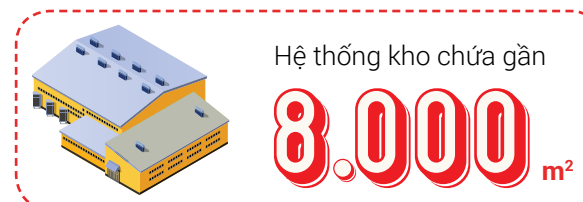
Nghiên cứu & phát triển các loại dầu ăn và chất béo tùy chỉnh, phù hợp với nhu cầu sản xuất của từng khối khách hàng công nghiệp khác nhau như: Bánh kẹo, sữa, mì ăn liền, hải sản, dược phẩm và mỹ phẩm.



Hệ thống bồn chứa trữ lượng lớn

HỆ THỐNG BỒN CHỨA TRỮ LƯỢNG LỚN

Với hệ thống kho chứa gần 8.000 m² và bồn chứa chất lỏng 22.300 m³ thiết kế hiện đại, đường ống được kết nối với nhau, hệ thống ống công nghệ đóng vai trò liên kết giúp vận chuyển các chất lỏng đến bồn chứa là nơi lưu trữ sản phẩm dầu cho hoạt động xuất, nhập khẩu đảm bảo thuận tiện, an toàn và chất lượng.





CUNG CẤP DẦU NGUYÊN LIỆU

Một trong những phân khúc kinh doanh chủ lực của Vocarimex là cung cấp dầu nguyên liệu cho khách hàng công nghiệp. Vocarimex đặt mục tiêu tăng trưởng doanh số dựa trên hiệu quả phân phối và quản lý hiệu quả chi phí hoạt động. Đây chính là lợi thế chủ lực của Vocarimex hướng đến mục tiêu phục vụ 30% thị trường tiêu thụ dầu ăn. Tùy theo yêu cầu của khách hàng, Vocarimex sẽ sản xuất theo tiêu chuẩn đặt hàng chuyên biệt từ chất lượng sản phẩm đến kỹ thuật sản xuất. Bằng sự gắn kết chặt chẽ giữa nền tảng nhập khẩu và hệ thống quản trị vận hành hiệu quả, Vocarimex cam kết cung cấp cho khách hàng những sản phẩm chất lượng với mức giá cạnh tranh.



TINH LUYỆN DẦU

Khẳng định năng lực trong lĩnh vực sản xuất, tinh luyện dầu, hàng năm nhà máy của Vocarimex có thể sản xuất 130.000 tấn dầu tinh luyện các loại, 120.000 tấn dầu thành phẩm. Đặc biệt nhà máy sở hữu công nghệ sản xuất dầu mè chất lượng cao đáp ứng nhu cầu xuất khẩu thị trường Nhật Bản với công suất đạt 4.000 tấn/năm.



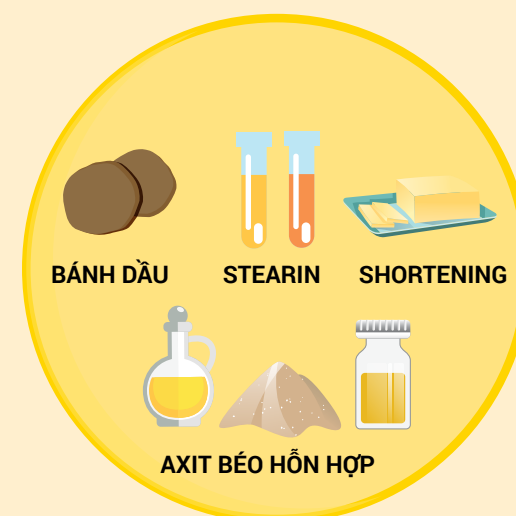
THỊ TRƯỜNG XUẤT KHẨU

Từ năm 1997, Vocarimex đã đầu tư dây chuyền máy móc hiện đại theo tiêu chuẩn châu Âu để thực hiện tinh luyện, chiết xuất, đóng gói các sản phẩm Dầu. Để đáp ứng những tiêu chuẩn khắt khe và nhu cầu mỗi thị trường như: Nhật Bản, Úc, New Zealand, Hàn Quốc, Iraq, Ghana... Vocarimex liên tục nâng cao năng lực của đội ngũ nhân sự để phát triển và ngày càng mở rộng thị trường xuất khẩu.



SẢN PHẨM PHỤ TÙNG DẦU

Ngoài thành phần chính từ quá trình tinh luyện Dầu, các sản phẩm như: Bánh dầu, Stearin, Shortening, Axit Béo hỗn hợp là những loại phụ phẩm trong quá trình sản xuất dầu thực vật dùng làm nguyên liệu chế biến trong ngành chế biến thực phẩm, thức ăn cho gia súc được Vocarimex cung cấp cho các doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.





TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI - CAM KẾT CỦA CHÚNG TÔI



BÊN CẠNH VIỆC ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN CÁC HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH, VOCARIMEX ƯU TIÊN CHO CÁC QUY TRÌNH SẢN XUẤT THÂN THIỆN VỚI MÔI TRƯỜNG. HÀNG NĂM, VOCARIMEX THƯỜNG XUYÊN CẢI TẠO DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT, TÌM KIẾM CÁC GIẢI PHÁP ĐỂ GIẢM THIỂU Ô NHIỄM MÔI TRƯỜNG DO NƯỚC THẢI, KHÍ THẢI VÀ SỬ DỤNG HIỆU QUẢ HƠN CÁC NGUỒN NĂNG LƯỢNG XANH.



CHẤT LƯỢNG

Vocarimex luôn chú trọng tìm kiếm những nhà cung cấp nguyên liệu có uy tín, đảm bảo nguồn nguyên liệu đạt chất lượng, ổn định và an toàn cũng như lựa chọn và đầu tư các thiết bị, công nghệ sản xuất dầu thực vật theo tiêu chuẩn quốc tế. Đặc biệt chúng tôi luôn quan tâm nâng cao trình độ chuyên môn của nhân viên và áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015, HACCP, CODEX nhằm mang đến những sản phẩm dinh dưỡng và an toàn cho khách hàng.



VOCARIMEX LUÔN THỰC HIỆN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT NHƯ

1

Thực hiện kiểm toán năng lượng giúp Vocarimex tiết kiệm được chi phí trong sản xuất kinh doanh, thực hiện tốt hơn công tác quản lý năng lượng.

2

Đưa vào sử dụng các thiết bị điện tiết kiệm điện năng như lò hơi sử dụng nhiên liệu BIOMAS không gây ô nhiễm môi trường.



PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Là một trong những Tập đoàn dầu thực vật hàng đầu tại Việt Nam, Vocarimex cam kết duy trì và thực hiện các chính sách, giải pháp và các hoạt động liên quan đến bảo vệ môi trường. Trong những năm qua, Vocarimex đã thực hiện thành công các quy định về môi trường, thực hiện các dự án bảo vệ môi trường bao gồm:



1

Hệ thống xử lý nước thải hiện đại đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT (Cột B, Kq=1,1; Kf=1,1) với công suất 350 m³/ngày, đêm.



2

Hệ thống xử lý khí thải lò hơi sử dụng dầu FO, khí thải lò sau xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



3

Rác thải nguy hại, rác thải sinh hoạt và rác thải công nghiệp được phân loại, thu gom, lưu giữ trong khu vực riêng và chuyển giao cho đơn vị có uy tín trong dịch vụ xử lý nước thải thu gom, xử lý.





HOẠT ĐỘNG CỘNG ĐỒNG

“

VỚI CHỦ TRƯỞNG KINH DOANH HIỆU QUẢ KHÔNG TÁCH RỜI VỚI CÁC HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI, TRONG HƠN 45 NĂM HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN, VOCARIMEX CAM KẾT VỀ TRÁCH NHIỆM CỦA MÌNH THỰC HIỆN TRÊN TẤT CẢ CÁC LĨNH VỰC TỪ SẢN XUẤT, PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM, CHĂM LO CHO ĐỜI SỐNG CBCNV ĐẾN VIỆC ĐÓNG GÓP CHO CỘNG ĐỒNG.

”



Trong năm qua, Vocarimex đã đồng hành cùng hội bệnh nhân nghèo Thành Phố đã tài trợ chương trình mổ mắt miễn phí đem lại ánh sáng cho 250 bệnh nhân nghèo tỉnh Kon Tum. Tài trợ mổ mắt và tặng quà cho gần 200 bệnh nhân đục thủy tinh thể có hoàn cảnh khó khăn được khám và mổ mắt tại Bệnh viện Nguyễn Tri Phương TP. HCM.

Trao quà và những vật dụng thiết yếu cho các bé tại trại trẻ mồ côi Tam Bình Thủ Đức và làng trẻ mồ côi SOS Gò Vấp.



KHAI PHÁ TIỀM NĂNG TỪ SỰ LIÊN KẾT BỀN CHẶT

- BÁO CÁO QUẢN TRỊ**
- Môi trường kinh doanh
 - Các điểm tài chính nổi bật
 - Hoạt động tài chính
 - Quản trị rủi ro
 - Báo cáo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc
 - Báo cáo liên quan đến trách nhiệm môi trường, xã hội của Công ty
 - Đánh giá của HĐQT về hoạt động Công ty
 - Báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2020





VOCARIMEX LUÔN TẬP TRUNG DỰ BÁO VÀ ĐÁNH GIÁ THỊ TRƯỜNG TÌM KIẾM LỢI THẾ CẠNH TRANH TRONG NĂM 2020 VÀ GIẢM THIỂU SỰ ẢNH HƯỞNG CỦA GIÁ DẦU BIẾN ĐỘNG.



Ngành Dầu thực vật: Là sản phẩm thiết yếu, nhu cầu tiêu thụ vẫn tăng theo cơ cấu dân số và có phần chuyển dịch nhu cầu từ Horea (Nhà hàng/khách sạn/quán ăn,...) sang hình thức tự phục vụ tại nhà. Trong quý 4/2020, nhu cầu thị trường tăng mạnh trong khi khả năng thu hoạch có phần hạn chế khi các đồn điền dầu cọ tại Malaysia/Indonesia giảm thu hoạch do ảnh hưởng từ các ca Covid. Các nhà máy lọc dầu (xăng dầu) chủ động cắt giảm sản lượng thu hoạch đẩy giá dầu hỏa tăng về mức giá trước khi dịch Covid-19 bùng phát (50 usd/thùng). Thị trường hàng hóa tăng mạnh. Giá dầu cọ điều chỉnh tăng có lúc đạt 1000 usd/tấn (tăng 50% so với tháng 9/2020 - 665 usd/tấn), dầu nành đạt mức cao lịch sử: 1200 usd/tấn.

Vocarimex luôn tập trung dự báo và đánh giá thị trường tìm kiếm lợi thế cạnh tranh trong năm 2020 và giảm thiểu sự ảnh hưởng của giá dầu biến động, Vocarimex đã thay đổi chiến lược tập trung từ nhà cung cấp nguyên vật liệu thô sang nhà cung cấp các sản phẩm dầu sản xuất theo yêu cầu của khách hàng nhằm hướng đến khối khách hàng công nghiệp, có nhu cầu đa dạng trong công thức chế biến dầu để sản xuất thành phẩm như: Chế biến thủy sản, chế biến sữa, sản xuất mì gói, đồ hộp,... Ở Việt Nam, phân khúc này vẫn tăng trưởng mạnh so với năm trước thông qua việc Công ty đẩy mạnh đầu tư và mở rộng ở mảng này, và đây sẽ là cơ sở cho sự phát triển của chúng tôi trong tương lai.



Cung cấp nguyên liệu dầu thô vẫn tiếp tục chiếm phần lớn trong hoạt động kinh doanh của Vocarimex và điều này sẽ giúp chúng tôi có được lợi thế cạnh tranh về số lượng dầu nhập khẩu ở mức giá tốt và hiệu quả hơn ở khâu vận chuyển, lưu trữ và xử lý dầu. Do đó, Vocarimex sẽ tối ưu hóa được chi phí hoạt động cho từng đơn vị sản phẩm so với các đối thủ cạnh tranh nhờ vào quy mô cơ sở vật chất cũng như sản lượng lớn. Tận dụng được lợi thế này, chiến lược của Vocarimex sắp tới sẽ tập trung vào kênh khách hàng công nghiệp có giá trị cao hơn nhờ vào việc sản xuất chuyên biệt dòng sản phẩm cho từng đối tượng khách hàng và ưu thế là giá thành của Công ty sẽ cạnh tranh hơn.

Với lợi thế về công nghệ máy ép, tinh luyện hiện đại bậc nhất Châu Âu, cùng với đội ngũ kỹ sư giàu kinh nghiệm, Vocarimex không quá khó khăn khi ép và tinh luyện dầu nành, dầu mè, xuất khẩu cho những thị trường khó tính như Nhật Bản, Bắc Triều Tiên,... Giá trị thương hiệu Vocarimex không những có ở thị trường nội địa mà còn có giá trị rất lớn tại thị trường Quốc Tế.





CÁC ĐIỂM TÀI CHÍNH NỔI BẬT

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH CỦA CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT CỦA VOCARIMEX NĂM 2020 TCKT

STT	TÊN CÔNG TY	TỶ LỆ SỞ HỮU	DOANH THU THUẦN (TRIỆU ĐỒNG)	LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ (TRIỆU ĐỒNG)
1	Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An	26,54%	5.246.757	221.036
2	Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân	24,00%	16.297.363	889.285
3	Công ty Dầu ăn Golden Hope Nhà Bè	49,00%	1.183.747	26.185
4	Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina	40,00%	663.387	9.140

THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG TCKT

THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN CỔ PHIẾU VÀ CỔ ĐÔNG:



Số lượng cổ phiếu
đăng ký phát hành

121.800.000

Cổ phiếu



Số lượng cổ phiếu
đang lưu hành

121.800.000

Cổ phiếu

STT	TÀI SẢN	TẠI THỜI ĐIỂM 31/12/2020	
		SỐ LƯỢNG CỔ PHIẾU	TỶ LỆ
I	Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	100,0%
II	Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	121.800.000	100,0%
	Vốn Nhà nước	44.211.900	36,3%
	Công ty Cổ phần Tập đoàn KIDO	62.118.000	51,0%
	Cổ đông trong nước	15.470.100	12,7%
	Cổ đông nước ngoài	0	-
III	Cổ phiếu quỹ	0	-



ĐẶC ĐIỂM NỔI BẬT TÀI CHÍNH

STT	CHỈ TIÊU	2019	2020	% TĂNG/GIẢM
1	Doanh thu thuần	2.547 tỷ đồng	2.598 tỷ đồng	0,2%
2	Giá vốn hàng bán	2.502 tỷ đồng	2.511 tỷ đồng	0,3%
3	Biên lợi nhuận gộp	1,8%	3,3%	1,5%
4	Lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	11,4%	10,8%	-0,6%
5	Lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	9,2%	9,0%	-0,2%
6	Biên lợi nhuận trước thuế, lãi vay và khấu hao	11,9%	10,5%	-1,4%
7	Lợi nhuận trước thuế	243 tỷ đồng	234 tỷ đồng	-3,7%
8	Biên lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ	9,6%	9,0%	-0,6%
9	Thu nhập trên mỗi cổ phần	2.014	1.926	-4,8%
10	Hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu	0,23	0,21	-0,02x
11	Hệ số khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	1,94	2,19	0,25x



DOANH THU

Doanh thu thuần hợp nhất tăng 0,2% so với năm trước và đạt 2.598 tỷ đồng, Vocarimex tập trung chuyển đổi cơ cấu ngành từ bán dầu nguyên liệu sang bán dầu Công nghiệp, củng cố thị trường Xuất khẩu. Tập trung đẩy mạnh tiêu thụ của khách hàng Công nghiệp các ngành khác nhau như sữa, bánh kẹo, mì ăn liền và mỹ phẩm. Kênh xuất khẩu củng cố thị trường cũ như Japan, Korea, New Zealand, China và chuẩn bị tiến vào các thị trường mới như Philippin, USA, Myanmar thông qua các hội chợ chào bán sản phẩm.

2.598

TỶ VND



GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ BIÊN LỢI NHUẬN GỘP

Giá vốn hàng bán tăng 0,3% cao hơn tốc độ tăng doanh thu do thị trường nguyên liệu dầu thực vật gặp khó khăn trong vấn đề vận chuyển trên thế giới vì dịch Covid-19. Mặc dù có nhiều biến động nhưng nhờ linh hoạt trong chính sách giá nên biên lợi nhuận vẫn ổn định và tăng so với cùng kỳ. Hiện tại Công ty vẫn còn đang trong giai đoạn cơ cấu lại hoạt động kinh doanh và đầu tư trong vòng vài năm tới nhằm tối đa được khả năng gia tăng mức biên lợi nhuận.

0,3%

TĂNG SO VỚI 2019



CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

Chi phí hoạt động giảm 12% so với năm trước do Công ty đã hoàn thành tiến trình giải thể Công ty con Bảo bì Dầu Thực vật, tinh giản bộ máy quản lý, cơ cấu lại nhân sự nhằm tập trung năng lực cho những thay đổi của chiến lược dài hạn.

12%

GIẢM SO VỚI 2019



TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Công ty áp dụng các chính sách quản lý vốn lưu động nhằm cải thiện dòng tiền bao gồm quản lý tốt vòng quay hàng tồn kho, các khoản phải thu và hiệu quả trong chi phí kho vận. Sự mở rộng khối khách hàng công nghiệp dẫn đến việc tăng lên các khoản phải thu. Tuy nhiên, Vocarimex luôn duy trì các chính sách quản lý công nợ chặt chẽ, hợp lý và được đánh giá hằng năm thông qua các báo cáo tài chính của khách hàng.



TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Công ty vẫn duy trì hoạt động của Tài sản cố định hiện hữu nhằm khai thác tối đa công suất máy móc thiết bị.



CÁC KHOẢN VAY

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020, các khoản vay ngắn hạn và dài hạn giảm hẳn so với cùng kỳ do kiểm soát tốt dòng tiền chi trả các khoản nợ vay ngân hàng.

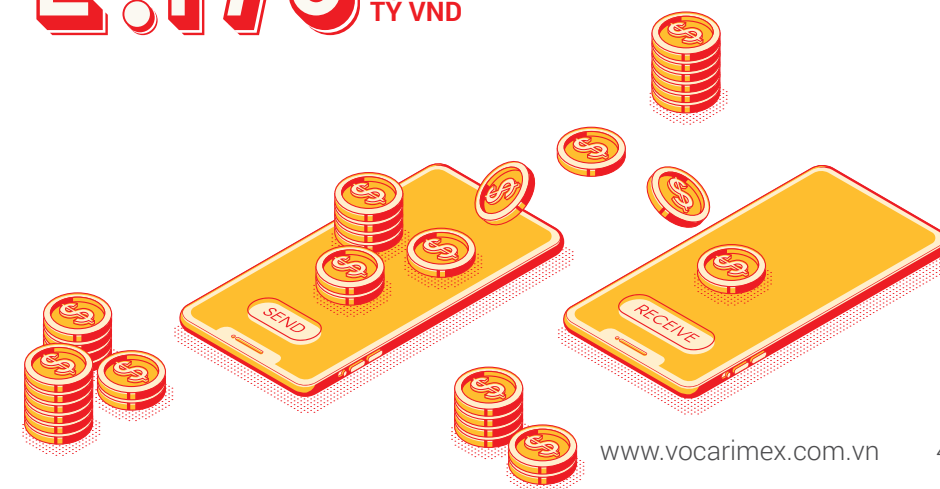


VỐN CHỦ SỞ HỮU

Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2020 đạt 2.179 tỷ đồng tăng 2,1% nhờ vào lợi nhuận từ hoạt động tài chính do thu hồi được khoản đầu tư do giải thể Công ty con. Trong năm 2020, Vocarimex đã chi trả cổ tức theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đã được chấp thuận ở năm trước.

2.179

TỶ VND





QUẢN TRỊ RỦI RO

BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU

Bản chất của giá nguyên liệu toàn cầu là luôn có sự biến động. Tác động này có thể là tích cực hoặc tiêu cực đối với lợi nhuận và biên lợi nhuận của Vocarimex. Để giảm thiểu rủi ro tiềm ẩn này, chúng tôi luôn theo dõi sự biến động của giá nguyên liệu thế giới và nhu cầu sử dụng nguyên liệu để có kế hoạch mua nguyên liệu thích hợp. Mục tiêu của chúng tôi là có được sự thỏa thuận từ phía khách hàng sớm và để thống nhất được kế hoạch mua nguyên liệu rõ ràng với nhà cung cấp kịp thời nhằm giảm áp lực lên biên lợi nhuận của chúng tôi trong trường hợp giá nguyên liệu tăng.



R
I
S
K

RỦI RO TÀI CHÍNH

Một trong những rủi ro chính là sự biến động của tỷ giá chuyển đổi Đô la Mỹ/Việt Nam Đồng và sự thay đổi về lãi suất ngân hàng thương mại hằng năm. Nhằm giảm thiểu rủi ro này, chúng tôi kiểm soát chặt chẽ chi phí hoạt động và thời gian đáo hạn nợ để đảm bảo rằng chúng tôi có đủ số dư tiền mặt để thực hiện các nghĩa vụ của doanh nghiệp. Chúng tôi cũng hợp tác chặt chẽ với các nhà cung cấp để đưa ra phương pháp giảm rủi ro khi giao dịch nhằm hạn chế sự ảnh hưởng của việc biến động của tỷ giá hối đoái lên lợi nhuận của chúng tôi.





BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY TRONG NĂM 2020

Một số điểm nổi bật tác động đến SXKD

- Trong bối cảnh chung của thế giới như dịch Covid-19 (Tháng 1/2020) bùng phát kéo theo các biến động lớn trong tất cả các lĩnh vực. Giá xăng dầu lao dốc có lúc đến 0 USD/tấn, buộc các nhà máy lọc dầu phải dừng sản xuất để giảm nguồn cung. Chiến tranh thương mại Trung - Mỹ tiếp tục là chủ đề lớn của thế giới và chỉ tạm hoãn khi cuộc bầu cử Mỹ bắt đầu, Biden giành chiến thắng mang đến nhiều hy vọng cho giới đầu tư Châu Á (đặc biệt là China). Gói hỗ trợ 500 tỷ USD của Feb tiếp tục mang đến cơ hội cho thị trường tài chính và hàng hóa. Trung Quốc ồ ạt mua hàng nông sản từ Nam Mỹ trong quý 4/2020, dẫn đến sự biến động mạnh về giá nguyên vật liệu.
- Lãi suất vay ngân hàng giảm, giúp cho Doanh nghiệp vay vốn dễ dàng hơn.
- Hệ thống máy móc, thiết bị và công nghệ chế biến dầu của Tổng Công ty hiện đại và tiên tiến trong khu vực.
- Có đội ngũ CBCNV có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư - chế biến - kinh doanh Dầu thực vật.

Các chỉ tiêu chủ yếu

STT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐƠN VỊ TÍNH	KẾ HOẠCH NĂM 2020	THỰC HIỆN NĂM 2020	TỶ LỆ THỰC HIỆN SO VỚI KH (%)
01	Doanh thu	Tỷ đồng	2.910	2.598	89%
02	Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	243	234	96%

Công ty có lợi thế giá tồn kho thấp trong khi giá thị trường biến động tăng cao. Vocarimex luôn tập trung dự báo và đánh giá thị trường tìm kiếm lợi thế cạnh tranh trong năm 2020 và giảm thiểu sự ảnh hưởng của giá dầu biến động. Nhờ đó chiến lược giá được điều chỉnh phù hợp cho từng giai đoạn giúp đem lại lợi nhuận.

Đồng thời dựa vào việc kiểm soát tốt dòng tiền hoạt động đã giúp Công ty có được lợi nhuận từ hoạt động tài chính.

Tuy nhiên do sự khó khăn chung của kinh tế thế giới do dịch Covid-19, dân cách xã hội toàn thế giới, Vocarimex đã phải rất cố gắng trong công tác xuất khẩu để có thể duy trì được kết quả như nêu trên.

Trong năm đã hoàn tất giải thể Công ty con là Công ty Bao bì DTV.

KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Nhiệm vụ, mục tiêu sản xuất kinh doanh và đầu tư

- Phấn đấu để đạt mục tiêu phát triển ổn định, kinh doanh có hiệu quả.
- Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức hoạt động của Tổng Công ty nhằm nâng cao và tối ưu năng lực quản lý.

Chỉ tiêu chủ yếu

Do không còn công ty con, nên chỉ tiêu KH đặt ra như sau:

Doanh thu dự kiến đạt
**1.280**
TỶ VND

Lợi nhuận trước thuế dự kiến đạt
**57**
TỶ VND



Tỷ lệ chia cổ tức phụ thuộc quyết định của ĐHCĐ thường niên 2021

Giải pháp thực hiện



Giải pháp về thị trường

- Phối hợp với mô hình tập đoàn để tận dụng lợi thế phân phối, mở rộng đối tượng khách hàng Công nghiệp.
- Tiếp tục duy trì thị trường xuất khẩu truyền thống Campuchia, Nhật, Bắc Triều Tiên,...; Tăng cường công tác xúc tiến thương mại để tìm kiếm những khách hàng mới trong khu vực như: Lào, Myanmar, các nước khu vực Châu Phi,... để tăng sản lượng xuất khẩu.
- Tăng cường hợp tác với các công ty kinh doanh vận tải thủy làm đại lý tiếp nhận tàu chở hàng để tăng doanh thu dịch vụ khai thác cảng, kho bãi, bồn chứa.

Giải pháp về khoa học công nghệ

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với nhu cầu của thị trường, chú trọng phát triển sản phẩm chất lượng phù hợp với đối tượng khách hàng Công nghiệp.

Giải pháp về đào tạo nguồn nhân lực

- Xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương, tiền thưởng phù hợp với đóng góp, năng lực làm việc của người lao động, đảm bảo thu nhập và từng bước nâng dần mức sống cho người lao động, tạo môi trường gắn bó, đoàn kết trong Tổng Công ty.



BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI CỦA CÔNG TY



TUÂN THỦ PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

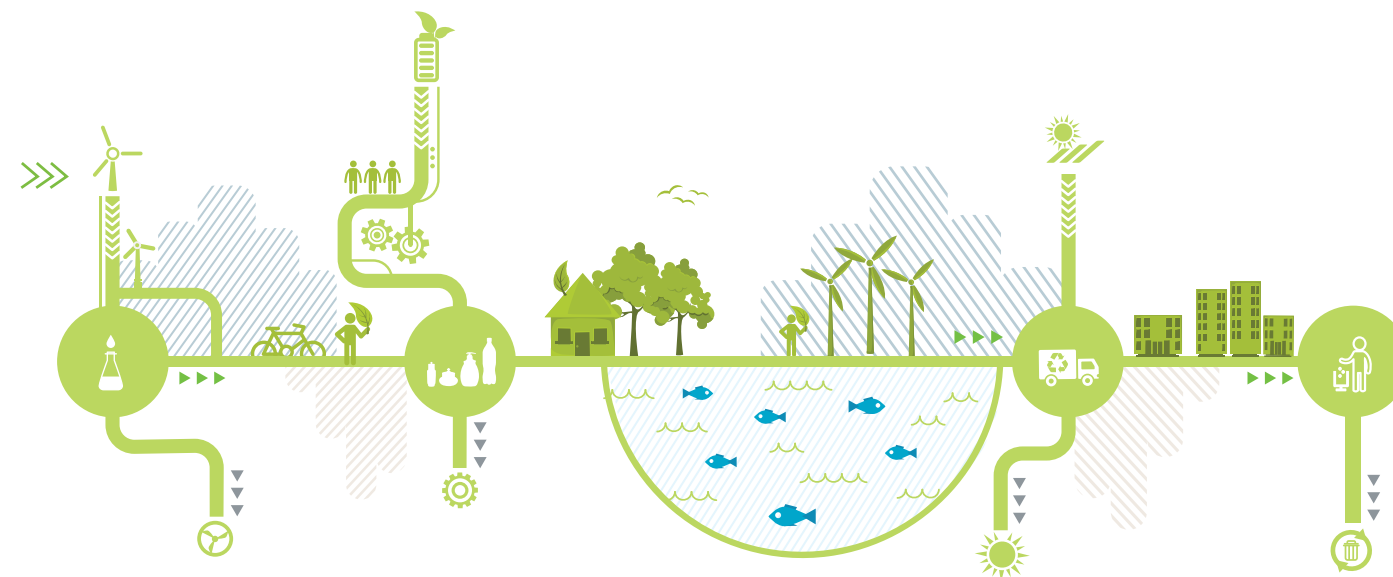
- ♦ Công ty rất quan tâm các hoạt động tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường.
- ♦ Năm 2020, Công ty đã không có bất kỳ ghi nhận nào liên quan đến vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường.

CHÍNH SÁCH LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG, XÃ HỘI

- ♦ Việc chú trọng đến môi trường làm việc, sức khỏe của người lao động luôn là yếu tố quan trọng để đảm bảo cho sự phát triển bền vững. Hằng năm, Công ty luôn tổ chức khám bệnh định kỳ cho toàn thể người lao động, các chương trình bảo hiểm sức khỏe, bảo hiểm tai nạn cũng được áp dụng.
- ♦ Thường xuyên tổ chức luyện tập, diễn tập PCCC với các lực lượng chuyên nghiệp về PCCC trên địa bàn nhằm đảm bảo thực hiện tốt công tác an ninh trật tự, PCCC trong Công ty.
- ♦ Chất lượng nguồn nhân lực đóng góp một vai trò quan trọng trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty luôn xây dựng kế hoạch đào tạo cụ thể, các nội dung đào tạo được chọn lọc. Người lao động đã phát huy tối đa năng lực, mạnh dạn đề xuất ứng dụng công nghệ vào quản lý, sản xuất đem lại hiệu quả thiết thực, góp phần vào sự phát triển của Công ty.

BÁO CÁO LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỚI CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

- ♦ Duy trì các hoạt động xã hội nhằm chăm lo cộng đồng địa phương và những cá nhân có hoàn cảnh khó khăn cần sự giúp đỡ. Trong năm 2020, cả Công ty và người lao động đã chung tay có những đóng góp thiết thực và hiệu quả cho cộng đồng.
- ♦ Ngoài ra, Công ty còn có nhiều hoạt động với cộng đồng địa phương: Phối hợp công tác giữ gìn an ninh, trật tự, vệ sinh môi trường.





ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Một số đặc điểm trong năm 2020 tác động đến kinh doanh của Công ty

- ◆ Năm 2020, tình hình kinh tế thế giới tăng trưởng chậm lại, dịch Covid ảnh hưởng toàn cầu, cộng thêm căng thẳng thương mại giữa Mỹ - Trung càng làm gia tăng đáng kể tính bất ổn của hệ thống thương mại, gây ảnh hưởng không nhỏ tới niềm tin kinh doanh, quyết định đầu tư, sự biến động khó lường trên thị trường tài chính - tiền tệ quốc tế, giá dầu diễn biến phức tạp.
- ◆ Tình hình lạm phát kiểm soát tốt, lãi suất được duy trì ổn định và giảm dần. Bên cạnh những thuận lợi, nền kinh tế nước ta cũng đối mặt tình hình diễn biến phức tạp, tác động đến giá lương thực, thực phẩm trong nước.
- ◆ Ngành thực phẩm nói chung và Vocarimex nói riêng gặp một số khó khăn trong năm 2020. Giá nguyên liệu đầu thế giới diễn biến phức tạp biến động liên tục trong cả năm 2020 do ảnh hưởng dịch Covid. Tỷ giá ngoại tệ USD/VND có biến động phần nào cũng ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty do nguyên liệu đầu vào chủ yếu là nhập khẩu. Bên cạnh đó, thị trường dầu ăn vẫn đối mặt với sức ép cạnh tranh về giá khiến các công ty tiếp tục có sự cạnh tranh khốc liệt.

Với những khó khăn nêu trên, Vocarimex đã cố gắng thực hiện SXKD để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2020.

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh năm 2020

Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2020

- ◆ Các chỉ tiêu theo Nghị Quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2020, kết quả thực hiện như sau:

Doanh thu đạt 2.598 tỷ đồng, đạt 89% so với kế hoạch (KH 2.910 tỷ đồng)

Lợi nhuận trước thuế đạt 234 tỷ đồng, đạt 96% so với kế hoạch (KH 243 tỷ đồng)

- ◆ Tổng Công ty đã đảm bảo công ăn việc làm, thu nhập cho người lao động và đóng góp vào ngân sách Nhà nước cũng như hoạt động ủng hộ, chia sẻ cùng cộng đồng xã hội.

- ◆ Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Vocarimex đã được kiểm toán bởi Công ty trách nhiệm hữu hạn Ernst & Young với ý kiến chấp nhận toàn phần.

Trong điều kiện kinh tế có những thuận lợi và khó khăn, kết quả đạt được như trên là sự nỗ lực rất lớn của HĐQT, Ban Điều hành và người lao động của Vocarimex.

Hoạt động của HĐQT Công ty năm 2020

Nét cơ bản về hoạt động của HĐQT năm 2020

- ◆ Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao theo đúng quy định của luật doanh nghiệp, pháp luật có liên quan, Điều lệ công ty.

- ◆ Giám sát chặt chẽ các hoạt động của Ban Điều hành, giải quyết kịp thời các đề xuất của Ban Điều hành và đưa ra các quyết định kịp thời mang lại hiệu quả kinh tế cho Tổng Công ty.

- ◆ Định hướng chiến lược kinh doanh và tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt được kế hoạch kinh doanh đã đề ra.

- ◆ Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, định hướng cho thời gian tiếp theo. Xem xét các kế hoạch triển khai điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế, cũng như khai thác tối đa cơ hội của thị trường.

- ◆ Công tác quản lý tài chính trong năm qua luôn được HĐQT đặc biệt quan tâm, công tác kiểm toán, kiểm soát chỉ tiêu tài chính trong hoạt động kinh doanh.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Cơ cấu HĐQT

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Trần Kim Thành	Chủ tịch Hội đồng Quản trị	0	0
02	Trần Lệ Nguyên	Thành viên Hội đồng Quản trị	0	0
03	Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên Hội đồng Quản trị	32.200	0,026
04	Nguyễn Hùng Cường	Thành viên Hội đồng Quản trị	24.390.074	20
05	Trần Thị Hồng Lĩnh	Thành viên Hội đồng Quản trị	19.852.726	16,3

Hoạt động của HĐQT trong năm

CÁC CUỘC HỌP VÀ NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

HĐQT giám sát chặt chẽ việc quản lý thông qua báo cáo hàng quý do Ban Điều hành cung cấp trong các cuộc họp quý. Các cuộc họp của HĐQT đều có tất cả các thành viên tham dự.

Stt	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
1	01/NQ-HĐQT	29/04/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Tạm ứng cổ tức năm 2019	100%
2	02/NQ-HĐQT	10/06/2020	Thống nhất cử đại diện vốn Vocarimex tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dầu thực vật Tường An	100%
3	03/NQ-HĐQT	17/06/2020	HĐQT thông qua chương trình Đại hội và Tờ trình các nội dung HĐQT trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020	100%
4	04/NQ-HĐQT	29/06/2020	Chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020	100%
5	05/NQ-HĐQT	10/08/2020	Chấp thuận cho đại diện vốn Vocarimex tham gia ý kiến biểu quyết thông qua buổi họp chấp thuận cho LG Vina ký hợp đồng tín dụng	100%
6	06/NQ-HĐQT	31/08/2020	Thông qua việc vay vốn bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng Thương mại CP Ngoại Thương Việt Nam - CN TP.HCM	100%



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY (TIẾP THEO)

CÔNG TÁC GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Giám sát đối với Ban Điều hành

- Trong năm 2020, HĐQT thực hiện tốt việc giám sát, chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc và cán bộ quản lý trong điều hành SXKD của Tổng Công ty.
- Chỉ đạo Ban Tổng Giám đốc đánh giá kết quả hoạt động năm 2020, xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.
- Ban Tổng Giám đốc đã thể hiện vai trò trong điều hành hoạt động SXKD theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc đã khai thác và phát huy các nguồn lực hiện có về con người, vốn đầu tư, cơ chế hoạt động để thực hiện hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2020 được HĐQT phê duyệt và ĐHĐCĐ thông qua. Ban Tổng Giám đốc luôn chủ động triển khai chiến lược, kế hoạch do HĐQT đề ra. Chỉ đạo thực hiện nghiêm túc các các Nghị quyết, Quyết định, thông báo của HĐQT.
- Báo cáo công khai minh bạch, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

Giám sát đối với cán bộ quản lý

Trong năm 2020 các thành viên Ban Điều hành và cán bộ quản lý công ty đã thực hiện tốt các nhiệm vụ của mình trong việc sử dụng và phát huy tốt các nguồn lực hiện có về vốn, tài sản và lao động của Tổng Công ty, tổ chức thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh theo kế hoạch HĐQT giao, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với nhà nước, các chế độ chính sách với người lao động.



KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021

Nội dung	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	KH 2021/ thực hiện 2020
[1]	[2]	[3]	[4]	[5]	[6]=[5]/[4]
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	2.910	2.598	1.820	49,2%
Lợi nhuận trước thuế TNDN	Tỷ đồng	243	234	57	24,3%

Định hướng kinh doanh năm 2021

Do đã hoàn tất công tác giải thể công ty con trong năm 2020 nên bước sang năm 2021 Vocarimex sẽ không còn báo cáo hợp nhất mà chỉ tập trung phát huy tối đa nguồn lực hiện có, kế hoạch đặt ra trong năm tới không bao gồm các phần lợi nhuận trong công ty liên kết. Công ty chủ yếu nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng suất lao động để gia tăng cạnh tranh, đẩy mạnh xây dựng và phát triển thị trường phù hợp với đặc thù kinh doanh của Vocarimex và gắn liền với lộ trình phát triển đồng bộ theo định hướng chung từ Tập đoàn.

Luôn đảm bảo an toàn tài chính, cân đối tốt dòng tiền, đáp ứng kịp thời nguồn vốn để phục vụ sản xuất kinh doanh, kiểm soát tốt chi phí, giảm giá thành sản phẩm nhằm tăng sức cạnh tranh, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

Hệ thống bán hàng kênh công nghiệp được đẩy mạnh, thâm nhập sâu vào thị trường dầu ăn thương mại; Tiếp cận có trọng tâm đến các doanh nghiệp, đơn vị có sử dụng dầu thực vật trong sản xuất kinh doanh để mở rộng thị trường; Nghiên cứu công thức chuyên biệt đáp ứng nhu cầu cho từng đối tượng khách hàng công nghiệp, xây dựng hệ thống phân phối cho kênh công nghiệp trên toàn quốc. Hiện Vocarimex đã mở rộng xuất khẩu trên nhiều quốc gia.

Vocarimex đang trong giai đoạn chuyển đổi và hoàn thiện chính mình, đã - đang - và sẽ không ngừng nỗ lực, gắn kết cùng nhau để tối ưu hóa hiệu quả trên mỗi hoạt động. Chúng tôi sẽ tiếp tục theo đuổi mục tiêu tập trung tăng trưởng bằng việc sử dụng hiệu quả các nguồn lực sẵn có và nắm bắt các cơ hội. Đây là những yếu tố quan trọng giúp chúng tôi ổn định và phát triển bền vững làm cơ sở hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh đã đề ra.

BAN KIỂM SOÁT

Cơ cấu BKS

STT	Họ tên	Chức vụ tại Công ty/quan hệ	Số cổ phần có quyền biểu quyết	Tỷ lệ sở hữu (%)
01	Phạm Văn Trường	Trưởng Ban Kiểm soát Trưởng phòng KSNB	0	0
02	Nguyễn Thị Ngọc Chi	Kiểm soát viên Trưởng BKS Công ty CP Tập đoàn KIDO Trưởng phòng Ngân sách Công ty CP Tập đoàn KIDO	0	0
03	Nguyễn Lê Trà My	Kiểm soát viên Chuyên viên Ban T4 Công ty SCIC	0	0



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2020

Kế hoạch sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2020

Đơn vị: Tỷ đồng

TT	Chỉ tiêu	Kế hoạch	Thực hiện	Thực hiện/Kế hoạch
1	Doanh thu thuần	2.910	2.598	89 %
2	Lợi nhuận trước thuế	243	234	96 %
3	Cổ tức	12%	Chưa thực hiện, phụ thuộc quyết định của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021	

Kế hoạch chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020

TT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Thù lao Hội đồng Quản trị năm 2020: 420.000.000 đồng	Đã chi trả thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát năm 2020 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020
2	Thù lao Ban Kiểm soát năm 2020: 144.000.000 đồng	

Phương án phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và trả cổ tức năm 2019

TT	Kế hoạch	Thực hiện
1	Trả cổ tức tiền mặt 12%/vốn điều lệ (1.218 tỷ đồng)	Đã chi trả cổ tức tiền mặt vào ngày 02/06/2020 theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020

Chọn đơn vị kiểm toán độc lập Báo cáo tài chính năm 2020

Công ty đã thực hiện ký kết hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính riêng và hợp nhất năm 2020 với Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020.



ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- ◆ Năm 2020, Hội đồng Quản trị đã thực hiện các chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn trong công tác định hướng, chỉ đạo, quản lý như phạm vi thẩm quyền được Đại hội đồng cổ đông giao và pháp luật quy định.
- ◆ Triển khai thực hiện các nghị quyết mà Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 đã thông qua.
- ◆ Cụ thể, trong năm 2020, Hội đồng Quản trị đã tổ chức các cuộc họp với sự tham gia đầy đủ của tất cả các thành viên và thông qua các nghị quyết sau:
 - ◆ Triển khai định hướng chiến lược kinh doanh và thông qua kế hoạch triển khai thực hiện trong toàn hệ thống Tổng Công ty.
 - ◆ Tổ chức đánh giá kết quả thực hiện, định hướng cho thời gian tiếp theo. Xem xét các kế hoạch triển khai điều chỉnh nhằm phù hợp với tình hình thực tế, cũng như khai thác tối đa cơ hội của thị trường.

TT	Số Nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HDQT	29/04/2020	Tổ chức Đại hội đồng cổ đông năm 2020 và Tạm ứng cổ tức năm 2019;
2	02/NQ-HDQT	10/06/2020	Thông nhất cử đại diện vốn Vocarimex tham gia ý kiến và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 của Công ty cổ phần Dầu Thực vật Tường An;
3	03/NQ-HDQT	17/06/2020	HDQT thông qua chương trình Đại hội và Tờ trình các nội dung HDQT trình tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2020;
4	04/NQ-HDQT	29/06/2020	Chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2020;
5	05/NQ-HDQT	10/08/2020	Chấp thuận đại diện vốn Vocarimex tham gia ý kiến biểu quyết thông qua buổi họp chấp thuận cho LG Vina ký hợp đồng tín dụng;
6	06/NQ-HDQT	31/08/2020	Thông qua việc vay vốn bổ sung vốn lưu động tại Ngân hàng Thương mại CP Ngoại thương Việt Nam – CN TP. HCM.

- ◆ Theo đánh giá của BKS, việc tổ chức họp và ban hành các văn bản của HDQT được thực hiện đúng quy định pháp luật và Điều lệ Công ty.

ĐÁNH GIÁ GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

- ◆ Trong năm 2020, Ban Tổng Giám đốc Điều hành đã chỉ đạo, điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng Công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết của Hội đồng Quản trị, và những quy định pháp luật có liên quan.
- ◆ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo và định hướng sát sao trong việc lập kế hoạch mục tiêu tại các Bộ phận, Phòng ban, đặc biệt sự kết nối mục tiêu của các Bộ phận theo chuỗi giá trị hướng tới hoàn thành mục tiêu chung của Tổng Công ty.
- ◆ Ban Tổng Giám đốc Điều hành đã báo cáo và cập nhật thường xuyên về kết quả kinh doanh, phân tích và đánh giá tình hình thực hiện so với kế hoạch đề ra, đồng thời đưa ra những chỉ đạo, chấn chỉnh và biện pháp khắc phục những tồn tại, thiếu sót.
- ◆ Đối với cán bộ quản lý đã nắm rõ phân hành và trách nhiệm của bộ phận, phòng ban trong quá trình thực hiện chức năng và kết hợp chặt chẽ, hợp tác với các phân hành có liên quan.
- ◆ Ban Tổng Giám đốc đã chỉ đạo trong việc xây dựng hệ thống đánh giá KPI (mức độ hoàn thành kế hoạch mục tiêu công việc) chung cho từng Bộ phận, chi tiết tới mỗi cán bộ và công nhân viên nhằm nâng cao vai trò trách nhiệm công việc của mỗi cá nhân, tổ chức.



BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2020 (TIẾP THEO)



THẨM ĐỊNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN NĂM 2020

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO RIÊNG 31/12/2020	BÁO CÁO HỢP NHẤT 31/12/2020
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN	859.964	959.964
B	TÀI SẢN DÀI HẠN	1.053.283	1.667.481
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	2.013.247	2.627.445
A	NỢ PHẢI TRẢ	447.432	447.619
I	Nợ ngắn hạn	438.356	438.543
II	Nợ dài hạn	9.076	9.075
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU	1.565.815	2.179.825
I	Vốn góp của chủ sở hữu	1.218.000	1.218.000
II	Chênh lệch đánh giá lại tài sản		787
III	Quỹ đầu tư phát triển	21.541	21.627
IV	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	326.274	939.411
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	2.013.247	2.627.445

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2020

KẾT QUẢ KINH DOANH

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Chỉ tiêu	BÁO CÁO RIÊNG 2020	BÁO CÁO HỢP NHẤT 2020
A	TỔNG DOANH THU/THU NHẬP	2.846.773	2.840.445
I	- Doanh thu từ sản xuất kinh doanh	2.601.125	2.597.678
II	- Doanh thu từ hoạt động tài chính	244.923	246.458
III	- Doanh thu khác/Thu nhập khác	725	1.018
IV	- Lãi/(Lỗ) trong công ty liên kết		(4.709)
B	CHI PHÍ	2.603.141	2.606.503
I	- Giá vốn hàng bán	2.514.715	2.511.387
II	- Chi phí bán hàng	42.195	42.195
III	- Chi phí quản lý doanh nghiệp	31.794	31.807
IV	- Chi phí tài chính	13.968	20.135
V	- Chi phí khác	469	977
C	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ	243.632	233.942

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán Riêng và Hợp nhất năm 2020

Nhận xét chung: Báo cáo tài chính này đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam, Ban Kiểm soát nhận thấy rằng báo cáo này đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty trong năm 2020.

ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH TỔNG CÔNG TY NĂM 2020

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán tại thời điểm 31/12/2020, Ban Kiểm soát nhận thấy mặc dù chịu ảnh hưởng chung của tình hình kinh tế vĩ mô do tác động của dịch bệnh, tuy nhiên hoạt động của Công ty vẫn được quản trị và vận hành tương đối tốt. Cụ thể được biểu hiện trên các chỉ tiêu tài chính như: Các chỉ số khả năng thanh toán được cải thiện tốt hơn so với năm tài chính 2019, đòn bẩy tài chính được sử dụng trong phạm vi an toàn; Lợi nhuận Công ty đã đảm bảo duy trì tương đối tốt.

Các chỉ số tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,94	2,19
Hệ số thanh toán nhanh	1,62	1,87
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,19	0,17
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	0,23	0,21
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
Vòng quay hàng tồn kho	18,9	16,9
Vòng quay tổng tài sản	0,9	1,0
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	9,5%	9,1%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	11,4%	10,8%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	9,2%	9,0%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	8,6%	9,0%

ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA BAN KIỂM SOÁT VỚI HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

HDQT - Ban Tổng Giám đốc Điều hành - Ban Kiểm soát đã có mối quan hệ phối hợp trong công việc thực hiện quyền hạn trách nhiệm được quy định trong điều lệ Tổng Công ty và các quy định của pháp luật.

KIẾN NGHỊ CỦA BKS ĐỐI VỚI HDQT, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

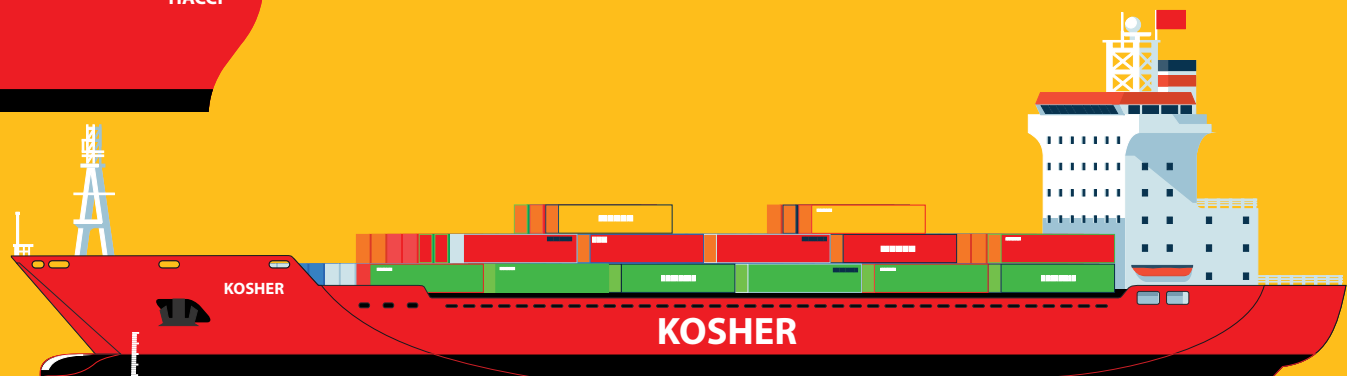
Năm 2021 dự kiến sẽ có nhiều biến động do vẫn tiếp tục chịu sự tác động bởi dịch bệnh Covid-19, do đó để quản trị các rủi ro có thể ảnh hưởng tới mục tiêu kinh doanh của Tổng Công ty, Ban Kiểm soát đề nghị HDQT, Ban TGD một số nội dung như sau:

- ◆ Chủ động xây dựng các phương án kinh doanh để sẵn sàng ứng phó cho các tình huống có thể xảy ra.
- ◆ Đối với hạng mục đầu tư tài chính: góp vốn vào các Công ty liên doanh, liên kết: Kiến nghị HDQT, người đại diện vốn của VOC phối hợp, tư vấn thêm các giải pháp cùng với HDQT các công ty thành viên nhằm nâng tầm phát triển hiệu quả và bền vững.

KHÔNG NGỪNG BỒI ĐÁP
GIÁ TRỊ BỀN VỮNG

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

- Thông tin chung
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- Báo cáo kiểm toán độc lập
- Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất





TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Báo cáo tài chính hợp nhất
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	67
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	68
Báo cáo kiểm toán độc lập	69 - 70
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	71 - 72
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	73 - 74
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	75 - 76
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	77 - 106

CÔNG TY

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Kim Thành	Chủ tịch
Ông Trần Lệ Nguyên	Thành viên
Ông Nguyễn Hùng Cường	Thành viên
Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Thành viên
Bà Trần Thị Hồng Lĩnh	Thành viên

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Trường	Trưởng ban	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Thị Trang	Trưởng ban	từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Nguyễn Lê Trà My	Thành viên	
Bà Nguyễn Thị Ngọc Chi	Thành viên	bổ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Bà Huỳnh Ngọc Nữ Phương Nga	Thành viên	từ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Tổng Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hùng Cường	Phó Tổng Giám đốc
Ông Bùi Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Tổng Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Nguyễn Thị Xuân Liễu.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Tổng Công ty.



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty và công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- ✓ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ✓ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ✓ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ✓ lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc:

Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Số tham chiếu: 61352465/21934248-HN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP



KÍNH GỬI: QUÝ CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CÔNG TY CỔ PHẦN

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam - Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) và công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”), được lập ngày 19 tháng 3 năm 2021 và được trình bày từ trang 71 đến trang 106, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

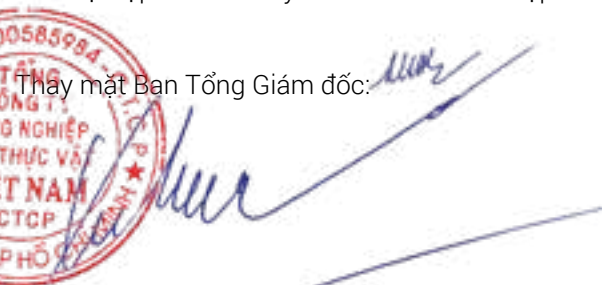
Ban Tổng Giám đốc Tập đoàn chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

TRÁCH NHIỆM CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý KIẾN CỦA KIỂM TOÁN VIÊN

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM



Ernest Yoong Chin Kang
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 1891-2018-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Dương Phúc Kiên
Kiểm toán viên
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 4613-2018-004-1



VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		959.964.000.557	929.932.265.687
110	I. Tiền và khoản tương đương tiền	4	309.533.519.986	130.911.071.546
111	1. Tiền		239.533.519.986	130.911.071.546
112	2. Khoản tương đương tiền		70.000.000.000	-
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		150.000.000.000	220.000.000.000
123	1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	11.1	150.000.000.000	220.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		311.479.169.663	368.318.725.892
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	5	290.139.365.211	334.758.005.640
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		616.830.040	1.683.448.419
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	6	20.028.133.304	31.283.815.423
139	4. Tài sản thiếu chờ xử lý		694.841.108	593.456.410
140	IV. Hàng tồn kho	7	142.009.212.643	154.557.784.309
141	1. Hàng tồn kho		142.009.212.643	154.789.153.343
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		-	(231.369.034)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		46.942.098.265	56.144.683.940
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		106.420.685	147.946.195
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	14	31.523.042.885	39.865.025.190
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	14	15.312.634.695	15.599.240.237
155	4. Tài sản ngắn hạn khác		-	532.472.318
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.667.481.442.275	1.694.465.986.457
210	I. Phải thu dài hạn		1.429.777.247	1.509.777.247
216	1. Phải thu dài hạn khác	6	1.429.777.247	1.509.777.247
220	II. Tài sản cố định		121.238.610.202	142.808.242.197
221	1. Tài sản cố định hữu hình	8	120.163.685.713	141.748.464.306
222	Nguyên giá		398.470.643.588	406.142.531.188
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(278.306.957.875)	(264.394.066.882)
227	2. Tài sản cố định vô hình	9	1.074.924.489	1.059.777.891
228	Nguyên giá		4.790.083.240	4.660.083.240
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(3.715.158.751)	(3.600.305.349)
230	III. Bất động sản đầu tư	10	4.793.303.446	4.985.684.578
231	1. Nguyên giá		11.797.057.729	11.797.057.729
232	2. Giá trị hao mòn lũy kế		(7.003.754.283)	(6.811.373.151)
250	IV. Đầu tư tài chính dài hạn		1.539.979.129.915	1.544.688.218.954
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	11.2	1.516.422.579.138	1.521.131.668.177
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	11.3	23.556.550.777	23.556.550.777
260	V. Tài sản dài hạn khác		40.621.465	474.063.481
261	1. Chi phí trả trước dài hạn		3.032.347	474.063.481
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	26.3	37.589.118	-
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.627.445.442.832	2.624.398.252.144



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020

B01-DN/HN

VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		447.619.542.262	490.715.359.047
310	I. Nợ ngắn hạn		438.543.717.341	479.436.685.912
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	12	123.942.586.647	19.295.467.571
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	13	11.109.375.390	6.765.933.573
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	14	2.029.401.831	26.599.027.400
314	4. Phải trả người lao động		3.458.865.888	3.729.150.663
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	15	3.275.917.660	9.205.852.974
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		187.945.590	68.953.441
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	16	17.559.359.672	16.391.606.842
320	8. Vay ngắn hạn	17	267.607.574.273	390.885.215.908
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	18	9.372.690.390	6.495.477.540
330	II. Nợ dài hạn		9.075.824.921	11.278.673.135
337	1. Phải trả dài hạn khác		199.250.000	199.250.000
338	2. Nợ dài hạn	17	8.876.574.921	9.884.267.541
341	3. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	26.3	-	1.195.155.594
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		2.179.825.900.570	2.133.682.893.097
410	I. Vốn chủ sở hữu	19.1	2.179.825.900.570	2.133.682.893.097
411	1. Vốn cổ phần		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
416	2. Chênh lệch đánh giá lại tài sản		787.114.305	787.114.305
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		21.627.141.226	21.627.141.226
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		939.411.645.039	856.680.311.570
421a	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		704.873.311.570	611.352.462.937
421b	- Lợi nhuận thuần năm nay		234.538.333.469	245.327.848.633
429	5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		-	36.588.325.996
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.627.445.442.832	2.624.398.252.144


Nguyễn Hoàng Sang
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.597.678.010.075	2.548.586.911.612
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	20.1	-	(1.290.301.650)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20.1	2.597.678.010.075	2.547.296.609.962
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	21	(2.511.387.355.240)	(2.502.588.249.864)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		86.290.654.835	44.708.360.098
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20.2	246.458.696.488	157.044.386.089
22	7. Chi phí tài chính	22	(20.135.842.459)	(42.749.228.191)
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		(19.186.355.837)	(41.555.992.882)
24	8. Phần (lỗ) lãi trong công ty liên kết		(4.709.089.039)	143.612.843.361
25	9. Chi phí bán hàng	23	(42.195.345.189)	(44.558.183.368)
26	10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	24	(31.807.162.536)	(39.732.650.118)
30	11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		233.901.912.100	218.325.527.871
31	12. Thu nhập khác		1.018.014.268	32.633.660.002
32	13. Chi phí khác		(977.244.777)	(8.245.899.392)
40	14. Lợi nhuận khác		40.769.491	24.387.760.610
50	15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		233.942.681.591	242.713.288.481
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	26.1	-	-
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	26.1	1.232.744.712	13.790.688
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		235.175.426.303	242.727.079.169



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B02-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
61	19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ		234.538.333.469	245.327.848.633
62	20. Lợi nhuận (lỗ) sau thuế của cổ đông không kiểm soát		637.092.834	(2.600.769.464)
70	21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	19.4	1.926	1.976
71	22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	19.4	1.926	1.976

Nguyễn Hoàng Sang
Người lập

Ngày 19 tháng 3 năm 2021

Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020



B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		233.942.681.591	242.713.288.481
Điều chỉnh cho các khoản:				
02	Khấu hao và hao mòn	8, 9, 10	20.162.176.074	20.741.520.768
03	Hoàn nhập các khoản dự phòng		(231.369.034)	(2.161.089.884)
04	Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		427.692.858	(673.114)
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(234.768.162.713)	(352.932.124.928)
06	Chi phí lãi vay	22	19.186.355.837	41.555.992.882
08	Lợi nhuận (lỗ) từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		38.719.374.613	(50.083.085.795)
09	Giảm các khoản phải thu		30.255.225.408	469.006.636.100
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		12.779.940.700	(44.586.186.524)
11	Tăng (giảm) các khoản phải trả		78.803.409.807	(136.728.568.331)
12	Giảm chi phí trả trước		512.556.644	2.571.589.925
14	Tiền lãi vay đã trả		19.428.233.508)	(54.325.158.015)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(1.822.787.150)	(1.334.162.484)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		139.819.486.514	184.521.064.876
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi để mua sắm tài sản cố định		(130.000.000)	(322.600.000)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		1.756.574.284	214.936.830.909
23	Tiền chi mua trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		(150.000.000.000)	(120.000.000.000)
24	Tiền thu hồi từ trái phiếu và tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn		220.000.000.000	73.672.628.829
27	Lãi tiền gửi, trái phiếu và cổ tức nhận được		238.052.774.516	154.745.592.633
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		309.679.348.800	323.032.452.371



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (tiếp theo)

cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

B03-DN/HN

VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
33	Tiền vay nhận được	17	1.803.830.466.647	2.319.984.772.894
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(1.928.113.672.507)	(2.600.521.751.180)
36	Cổ tức đã trả	19.2	(146.160.000.000)	(111.081.600.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động tài chính		(270.443.205.860)	(391.618.578.286)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		179.055.629.454	115.934.938.961
60	Tiền đầu năm		130.911.071.546	14.982.477.267
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		(433.181.014)	(6.344.682)
70	Tiền và khoản tương đương tiền cuối năm	4	309.533.519.986	130.911.071.546


Nguyễn Hoàng Sang
Người lập


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc



Ngày 19 tháng 3 năm 2021



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

Tập đoàn bao gồm Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“VOC” hoặc “Tổng Công ty”), một công ty con và các công ty liên kết như sau:

Công ty

Tổng Công ty Công nghiệp Dầu Thực vật Việt Nam – Công ty Cổ phần (“Tổng Công ty”) được cổ phần hóa theo Quyết định số 446/QĐ-TTg ngày 31 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư (“SKHĐT”) Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0300585984 ngày 31 tháng 12 năm 2014, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Tổng Công ty là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật.

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Tổng Công ty là 12 tháng.

Tổng Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 58 Nguyễn Bình Khiêm, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và hai (2) chi nhánh đặt tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam và số 8 Cát Linh, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Số lượng công nhân viên của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 108 (31 tháng 12 năm 2019: 114).

Công ty con

Công ty Cổ phần Bao bì Dầu thực vật (“VPK”)

Tổng Công ty sở hữu 51,05% vốn chủ sở hữu trong VPK, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103001186 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 25 tháng 10 năm 2002 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông bất thường của VPK số 06/NQ/ĐHĐCĐ/2018 ngày 22 tháng 11 năm 2018, các cổ đông của VPK đã thông qua quyết định giải thể hoạt động của VPK. Theo đó, VPK đã hoàn tất việc giải thể nêu trên và hoàn trả vốn góp cho Tổng Công ty với số tiền là 38.822.419.740 VND vào ngày 20 tháng 10 năm 2020. Vào ngày 13 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn đã nhận được Thông báo của SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh thông báo hoàn thành việc giải thể VPK.

Các công ty liên kết

Công ty TNHH Dầu thực vật Cái Lân (“Calofic”)

Tổng Công ty sở hữu 24% vốn chủ sở hữu trong Calofic, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đầu tư (“GCNĐT”) số 2148108377 do Ban Quản lý Khu Kinh tế Quảng Ninh cấp ngày 30 tháng 12 năm 2015 và các GCNĐT điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Calofic là sản xuất và chế biến dầu thực vật và các sản phẩm phụ liên quan. Calofic có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Cái Lân, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam.

Công ty Cổ phần Dầu thực vật Tường An (“TAC”)

Tổng Công ty sở hữu 26,54% vốn chủ sở hữu trong TAC, một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 4103002698 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 9 năm 2004 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của TAC là sản xuất kinh doanh và xuất khẩu các sản phẩm chế biến từ dầu, mỡ động thực vật, từ các hạt có dầu, thạch dừa; sản xuất, kinh doanh các loại bao bì đóng gói; xuất khẩu nguyên nhiên vật liệu phục vụ sản xuất chế biến ngành dầu thực vật. TAC có trụ sở đăng ký tại số 138 - 142 Hai Bà Trưng, Phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

1. THÔNG TIN DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

Các công ty liên kết (tiếp theo)

Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina ("LG Vina")

Tổng Công ty sở hữu 40% vốn chủ sở hữu trong LG Vina, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 3600254869 do SKHĐT Tỉnh Đồng Nai cấp ngày 22 tháng 10 năm 1997 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của LG Vina là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm mỹ phẩm. LG Vina có trụ sở đăng ký tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch 2, Xã Hiệp Phước, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam.

Công ty TNHH Kido - Nhà Bè ("KDNB")

Tổng Công ty sở hữu 49% vốn chủ sở hữu trong KDNB, một công ty trách nhiệm hữu hạn với hai thành viên trở lên được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo GCNĐKKD số 0300832672 do SKHĐT Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 9 tháng 9 năm 2008 và các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của KDNB là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. KDNB có trụ sở đăng ký tại số 370 Gò Ô Môi, Khu phố 2, Phường Phú Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ✓ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ✓ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ✓ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ✓ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ✓ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu vào ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (TIẾP THEO)

2.4 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VND.

2.5 Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính riêng của Tổng Công ty ("Công ty mẹ") và báo cáo tài chính của công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí khác, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào tài khoản lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa.	- chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và thành phẩm.	- giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm và hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào tài khoản giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi căn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.5 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận như tài sản cố định vô hình, bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất đã được Tập đoàn mua hoặc thuê. Thời gian hữu dụng của các quyền sử dụng đất được đánh giá theo thời hạn sử dụng của các quyền sử dụng đất. Theo đó, quyền sử dụng đất có thời hạn là quyền sử dụng đất đã thuê và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo thời hạn thuê, còn quyền sử dụng đất không có thời hạn thì không được phân bổ.

Tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng thuê đất có hiệu lực trước năm 2003 và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

3.6 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	6 - 50 năm
Máy móc thiết bị	5 - 12 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 5 năm
Quyền sử dụng đất	25 năm
Phần mềm máy tính	2 - 8 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.7 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm
------------------------	--------

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong năm.

3.9 Các chi phí trả trước

Các chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước của các chi phí đó tương ứng với các lợi ích kinh tế được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu ít nhất 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng năm thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.10 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Đầu tư vào công ty liên kết (tiếp theo)

Phần sở hữu của Tập đoàn trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của Tập đoàn trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ với khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và giảm trừ trực tiếp vào giá trị đầu tư.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư được lập khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng được hạch toán vào tài khoản chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được mà không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là VND được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán; và
- ✓ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau.

- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được đánh giá lại theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- ✓ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được đánh giá lại theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.13 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ (sau khi trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty mẹ cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.14 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thường niên phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau đây từ lợi nhuận thuần sau thuế của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên:

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Tập đoàn.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức

Cổ tức phải trả được đề nghị bởi Hội đồng Quản trị của Tập đoàn và được phân loại như một sự phân phối của lợi nhuận chưa phân phối trong khoản mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất cho đến khi được các cổ đông thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông Thường niên. Khi đó, cổ tức sẽ được ghi nhận như một khoản nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3.15 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi dịch vụ đã được cung cấp và hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở trích trước (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.





THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.16 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến phải nộp cho (hoặc được thu hồi từ) cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ✓ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ✓ các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những khoản chênh lệch tạm thời được trừ, các khoản lỗ thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ✓ tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận tính thuế (hoặc lỗ thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch; và
- ✓ tất cả các chênh lệch tạm thời được trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm mà tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)

3.16 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế hoặc Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần, hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.17 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Hoạt động chính của Tập đoàn là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động thực vật. Đồng thời, hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm mà Tập đoàn bán ra hoặc do Tập đoàn hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, thông tin theo bộ phận không được trình bày.

3.18 Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan nếu trên có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

4. TIỀN VÀ KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	141.604.125	204.717.117
Tiền gửi ngân hàng	239.391.915.861	130.706.354.429
Khoản tương đương tiền (*)	70.000.000.000	-
TỔNG CỘNG	309.533.519.986	130.911.071.546

(*) Khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc một (1) tháng và hưởng lãi suất 3,95%/năm.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	259.799.029.389	209.119.765.591
Chi nhánh Công ty TNHH Sumitomo Corporation Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	8.224.405.200	6.166.410.360
Công ty TNHH MTV Ấm thực Á Châu III	7.829.360.000	-
Công ty Cổ phần Sữa Việt Nam	5.344.889.000	46.120.368.470
Công ty TNHH MTV Lập Thịnh	-	42.472.760.000
Mitsui and Co., Ltd.	-	8.318.206.080
Các khách hàng khác	8.941.681.622	22.560.495.139
TỔNG CỘNG	290.139.365.211	334.758.005.640

6. PHẢI THU KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngắn hạn	20.028.133.304	31.283.815.423
Cổ tức phải thu	17.985.462.000	-
Lãi tiền gửi	1.957.849.316	1.297.326.724
Cho mượn hàng hóa	-	29.876.487.030
Khác	84.821.988	110.001.669
Dài hạn	1.429.777.247	1.509.777.247
Ký quỹ	1.429.777.247	1.509.777.247
TỔNG CỘNG	21.457.910.551	32.793.592.670
<i>Trong đó:</i>		
Các bên liên quan (Thuyết minh số 27)	19.280.239.247	31.908.481.690
Các bên khác	2.177.671.304	885.110.980



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

7. HÀNG TỒN KHO

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng đi đường	71.087.977.977	-
Hàng hóa	32.743.350.976	118.859.492.200
Thành phẩm	30.811.871.498	28.781.907.605
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.525.287.693	3.843.530.921
Công cụ, dụng cụ	2.198.749.443	2.300.607.038
Nguyên vật liệu	641.975.056	1.003.615.579
TỔNG CỘNG	142.009.212.643	154.789.153.343
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(231.369.034)
GIÁ TRỊ THUẦN	142.009.212.643	154.557.784.309

8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	174.043.117.694	226.994.289.867	5.105.123.627	406.142.531.188
Thanh lý	-	(7.671.887.600)	-	(7.671.887.600)
Số cuối năm	174.043.117.694	219.322.402.267	5.105.123.627	398.470.643.588
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết	27.136.632.288	84.655.208.304	2.703.580.895	114.495.421.487
Giá trị khấu hao lũy kế				
Số đầu năm	(86.076.506.918)	(174.981.323.986)	(3.336.235.978)	(264.394.066.882)
Khấu hao trong năm	(5.541.261.803)	(13.917.174.534)	(396.505.203)	(19.854.941.540)
Thanh lý	-	5.942.050.547	-	5.942.050.547
Số cuối năm	(91.617.768.721)	(182.956.447.973)	(3.732.741.181)	(278.306.957.875)
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	87.966.610.776	52.012.965.881	1.768.887.649	141.748.464.306
Số cuối năm	82.425.348.973	36.365.954.294	1.372.382.446	120.163.685.713



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	2.595.135.240	2.064.948.000	4.660.083.240
Mua mới	-	130.000.000	130.000.000
Số cuối năm	2.595.135.240	2.194.948.000	4.790.083.240
Trong đó:			
Đã hao mòn hết	-	2.064.948.000	2.064.948.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số đầu năm	(1.535.357.349)	(2.064.948.000)	(3.600.305.349)
Hao mòn trong năm	(104.020.068)	(10.833.334)	(114.853.402)
Số cuối năm	(1.639.377.417)	(2.075.781.334)	(3.715.158.751)
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	1.059.777.891	-	1.059.777.891
Số cuối năm	955.757.823	119.166.666	1.074.924.489

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN



10. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

VND

	Nhà cửa, vật kiến trúc
Nguyên giá	
Số đầu năm và số cuối năm	11.797.057.729
Trong đó:	
Đã khấu hao hết	2.178.001.042
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số đầu năm	(6.811.373.151)
Khấu hao trong năm	(192.381.132)
Số cuối năm	(7.003.754.283)
Giá trị còn lại	
Số đầu năm	4.985.684.578
Số cuối năm	4.793.303.446

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31 tháng 12 năm 2020. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

11.1 Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn	100.000.000.000	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam (*)	100.000.000.000	70.000.000.000
Đầu tư ngắn hạn khác	50.000.000.000	150.000.000.000
Trái phiếu – Công ty Cổ phần Chứng khoán Rồng Việt ("Rồng Việt") (**)	50.000.000.000	150.000.000.000
TỔNG CỘNG	150.000.000.000	220.000.000.000

(*) Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có kỳ hạn trên ba (3) tháng và dưới mười hai tháng (12) và hưởng lãi suất từ 6,1% đến 6,5%/năm.

(**) Các trái phiếu có kỳ hạn gốc mười hai (12) tháng và hưởng lãi suất 9,5%/năm.



11. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

11.2 Đầu tư vào các công ty liên kết

Chi tiết khoản đầu tư vào các công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 như sau:

	Calofic	TAC	LG Vina	KDNB	Tổng cộng
Giá trị đầu tư					
Số đầu năm và số cuối năm	572.600.582.675	247.049.222.600	84.521.827.562	47.192.438.524	951.364.071.361
Phần lũy kế lợi nhuận sau khi mua các công ty liên kết					
Số đầu năm	561.425.729.936	46.398.911.258	9.135.394.146	(47.192.438.524)	569.767.596.816
Phần lợi nhuận trong năm	171.565.946.245	46.856.577.704	3.031.177.600	-	221.453.701.549
Cổ tức đã công bố	(118.768.933.346)	(103.416.406.500)	-	-	(222.185.339.846)
Trích các quỹ	-	(3.977.450.742)	-	-	(3.977.450.742)
Số cuối năm	614.222.742.835	(14.138.368.280)	12.166.571.746	(47.192.438.524)	565.058.507.777
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	1.134.026.312.611	293.448.133.858	93.657.221.708	-	1.521.131.668.177
Số cuối năm	1.186.823.325.510	232.910.854.320	96.688.399.308	-	1.516.422.579.138

VND

11.3 Đầu tư vào đơn vị khác

Số dư cuối năm thể hiện giá trị khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Dầu Thực vật Tân Bình (“Nakydaco”).

Nakydaco được cổ phần hóa theo Quyết định số 63/QĐ-TTg ngày 19 tháng 7 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ và được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh (“GCNĐKKD”) Công ty Cổ phần số 0303587122 ngày 10 tháng 12 năm 2004, và theo các GCNĐKKD điều chỉnh sau đó. Hoạt động chính trong năm hiện tại là sản xuất và kinh doanh dầu, mỡ động, thực vật. Nakydaco có trụ sở đăng ký tại số 899 Trường Chinh, Phường Tây Thạnh, Quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

12. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Apical Vietnam Oil and Fats Pte Ltd	107.985.586.278	16.065.637.038
Baid Agro Products (Pvt) Ltd.	14.939.595.380	-
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	44.000.000	882.632.810
Khác	973.404.989	2.347.197.723
TỔNG CỘNG	123.942.586.647	19.295.467.571

13. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng An Phú Gia	5.339.295.900	-
Kukai Investment Limited	1.538.777.210	1.715.028.039
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu An Hưng Phước	1.272.028.000	-
Công ty TNHH Dầu thực vật Vạn Phát Long An	-	1.240.638.245
Khác	2.959.274.280	3.810.267.289
TỔNG CỘNG	11.109.375.390	6.765.933.573

14. THUẾ

VND

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
Thuế giá trị gia tăng	(14.600.353.794)	(195.198.034.065)	178.275.344.974	(31.523.042.885)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(15.599.240.237)	-	286.605.542	(15.312.634.695)
Thuế thu nhập cá nhân	711.808.406	3.702.851.741	(3.957.464.588)	457.195.559
Tiền thuê đất	622.547.598	1.511.598.466	(561.939.792)	1.572.206.272
TỔNG CỘNG	(28.865.238.027)	(189.983.583.858)	174.042.546.136	(44.806.275.749)
Trong đó:				
Thuế GTGT được khấu trừ	(39.865.025.190)			(31.523.042.885)
Thuế nộp thừa	(15.599.240.237)			(15.312.634.695)
Thuế phải nộp	26.599.027.400			2.029.401.831



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lưu tàu	1.747.810.339	1.035.357.152
Chi phí vận chuyển	375.501.049	658.004.966
Chi phí lãi vay	149.418.272	391.295.943
Chi phí giải thể công ty con	-	3.340.000.000
Khác	1.003.188.000	3.781.194.913
TỔNG CỘNG	3.275.917.660	9.205.852.974

16. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

VND

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả cổ phần hóa	12.716.244.592	12.716.244.592
Hàng hóa tạm mượn	4.299.618.000	3.257.665.600
Các khoản phải trả, phải nộp khác	543.497.080	417.696.650
TỔNG CỘNG	17.559.359.672	16.391.606.842
Trong đó:		
Bên liên quan (Thuyết minh số 27)	4.299.618.000	3.257.665.600
Bên khác	13.259.741.672	13.133.941.242



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

B09-DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày



17. VAY VÀ NỢ

VND

	Số đầu năm	Nhận tiền vay	Trả tiền vay	Phân loại lại	Đánh giá lại	Số cuối năm
Ngắn hạn	390.885.215.908	1.803.830.466.647	(1.928.113.672.507)	1.005.564.225	-	267.607.574.273
Vay ngân hàng (Thuyết minh số 17.1)	389.883.192.799	1.803.830.466.647	(1.927.111.649.398)	-	-	266.602.010.048
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 17.2)	1.002.023.109	-	(1.002.023.109)	1.005.564.225	-	1.005.564.225
Dài hạn	9.884.267.541	-	-	(1.005.564.225)	(2.128.395)	8.876.574.921
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 (Thuyết minh số 17.2)	9.884.267.541	-	-	(1.005.564.225)	(2.128.395)	8.876.574.921
TỔNG CỘNG	400.769.483.449	1.803.830.466.647	(1.928.113.672.507)	-	(2.128.395)	276.484.149.194

17.1 Vay ngắn hạn từ ngân hàng

Tập đoàn dùng các khoản vay tín chấp ngắn hạn từ ngân hàng thương mại nhằm mục đích bổ sung nhu cầu vốn lưu động. Chi tiết được trình bày như sau:

	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn	Lãi suất (%/năm)
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	136.443.905.343	Từ ngày 3 tháng 2 năm 2021 đến ngày 18 tháng 2 năm 2021	3,8
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	130.158.104.705	Từ ngày 26 tháng 1 năm 2021 đến ngày 24 tháng 2 năm 2021	4,5
TỔNG CỘNG	266.602.010.048		

17. VAY VÀ NỢ (TIẾP THEO)

17.2 Nợ dài hạn

Tập đoàn có khoản nợ tín chấp không lãi suất với Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2 liên quan đến khoản thuê đất để xây dựng nhà máy tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II, Huyện Nhơn Trạch, Tỉnh Đồng Nai theo Hợp đồng thuê đất số 115/1988/HDTD ngày 12 tháng 5 năm 1988. Tập đoàn dùng khu đất này để góp vốn thành lập Công ty TNHH Mỹ phẩm LG Vina. Chi tiết được trình bày như sau:

Bên cho vay	Số cuối năm (VND)	Ngày đến hạn
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Công nghiệp Số 2	9.882.139.146	Ngày 12 tháng 5 năm 2028
Trong đó:		
Nợ dài hạn đến hạn trả	1.005.564.225	
Nợ dài hạn	8.876.574.921	

18. QUỸ KHEN THƯỞNG PHÚC LỢI

VND

	Số đầu năm	Trích lập quỹ	Sử dụng quỹ	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	4.807.959.731	2.820.000.000	(890.570.406)	6.737.389.325
Quỹ phúc lợi	1.687.517.809	1.880.000.000	(932.216.744)	2.635.301.065
TỔNG CỘNG	6.495.477.540	4.700.000.000	(1.822.787.150)	9.372.690.390



19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

VND

	Vốn cổ phần	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Tổng cộng
Năm trước						
Số đầu năm	1.218.000.000.000	787.114.305	28.505.180.374	757.512.462.937	39.189.095.460	2.043.993.853.076
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	245.327.848.633	(2.600.769.464)	242.727.079.169
Cổ tức đã công bố	-	-	-	(146.160.000.000)	-	(146.160.000.000)
Sử dụng quỹ	-	-	(6.878.039.148)	-	-	(6.878.039.148)
Số cuối năm	1.218.000.000.000	787.114.305	21.627.141.226	856.680.311.570	36.588.325.996	2.133.682.893.097
Năm nay						
Số đầu năm	1.218.000.000.000	787.114.305	21.627.141.226	856.680.311.570	36.588.325.996	2.133.682.893.097
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	234.538.333.469	637.092.834	235.175.426.303
Cổ tức đã công bố (*)	-	-	-	(146.160.000.000)	-	(146.160.000.000)
Thanh lý lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	-	(37.225.418.830)	(37.225.418.830)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(4.700.000.000)	-	(4.700.000.000)
Thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	-	-	-	(947.000.000)	-	(947.000.000)
Số cuối năm	1.218.000.000.000	787.114.305	21.627.141.226	939.411.645.039	-	2.179.825.900.570

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông Thường niên ngày 26 tháng 6 năm 2020, các cổ đông của Tổng Công ty đã thống nhất thông qua kế hoạch chi trả cổ tức bằng tiền theo mức 12% mệnh giá của cổ phiếu phổ thông.



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

19.2 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận

VND

	Năm nay	Năm trước
Vốn cổ phần		
Số đầu năm và cuối năm	1.218.000.000.000	1.218.000.000.000
Cổ tức		
Cổ tức công bố trong năm	146.160.000.000	146.160.000.000
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2020: 1.200 VND/cổ phiếu	146.160.000.000	-
Cổ tức trả bằng tiền trong năm 2019: 1.200 VND/cổ phiếu	-	146.160.000.000
Cổ tức đã trả trong năm	(146.160.000.000)	(146.160.000.000)
Trong đó:		
Trả bằng tiền	146.160.000.000	111.081.600.000
Cần trừ với lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác sản xuất kinh doanh ("HĐHTKD")	-	35.078.400.000

19.3 Cổ phiếu

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND	Số lượng cổ phiếu	Giá trị VND
Cổ phiếu đã được duyệt	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành và được góp vốn đầy đủ				
Cổ phiếu phổ thông	121.800.000	1.218.000.000.000	121.800.000	1.218.000.000.000



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)

19.4 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (VND)	234.538.333.469	245.327.848.633
Trừ: Quỹ khen thưởng phúc lợi (VND) (*)	-	(4.700.000.000)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	234.538.333.469	240.627.848.633
Bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu)	121.800.000	121.800.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)	1.926	1.976
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (VND)	1.926	1.976

(*) Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trước đây để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2019 theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 26 tháng 6 năm 2020.

Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2020 do chưa có Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông để trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế cho năm hiện tại.

Không có sự suy giảm tiềm tàng của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	2.597.678.010.075	2.548.586.911.612
Doanh thu bán hàng hóa	2.224.398.444.587	2.041.138.570.924
Doanh thu bán thành phẩm	369.240.803.295	495.114.132.410
Doanh thu cung cấp dịch vụ	3.864.443.093	11.556.246.112
Doanh thu khác	174.319.100	777.962.166
Các khoản giảm trừ	-	1.290.301.650
Hàng bán bị trả lại	-	1.290.301.650
Doanh thu thuần	2.597.678.010.075	2.547.296.609.962
Trong đó:		
Các bên liên quan	1.797.998.455.376	1.816.822.289.091
Các bên khác	799.679.554.699	730.474.320.871



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

20. DOANH THU (TIẾP THEO)

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

VND

	Năm nay	Năm trước
Cổ tức được chia	222.185.339.846	135.770.479.452
Lãi tiền gửi	17.265.174.675	16.561.970.912
Lãi chênh lệch tỷ giá	7.003.434.532	3.974.718.312
Khác	4.747.435	737.217.413
TỔNG CỘNG	246.458.696.488	157.044.386.089

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VND

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	2.153.597.663.680	2.010.327.777.532
Giá vốn của thành phẩm đã bán	343.940.523.249	475.730.616.713
Khác	13.849.168.311	16.529.855.619
TỔNG CỘNG	2.511.387.355.240	2.502.588.249.864

22. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.186.355.837	41.555.992.882
Lỗ chênh lệch tỷ giá	949.188.837	1.193.235.309
Khác	297.785	-
TỔNG CỘNG	20.135.842.459	42.749.228.191

23. CHI PHÍ BÁN HÀNG

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	17.383.537.421	22.758.037.238
Chi phí vận chuyển	13.202.664.373	9.054.435.403
Chi phí khấu hao và hao mòn	5.375.802.066	5.072.161.799
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.988.182.990	3.376.829.295
Chi phí khác	3.245.158.339	4.296.719.633
TỔNG CỘNG	42.195.345.189	44.558.183.368



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

24. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí lương	14.895.377.133	19.264.817.821
Chi phí dịch vụ mua ngoài	13.634.216.965	13.931.024.447
Chi phí khấu hao và hao mòn	331.461.960	341.601.996
Khác	2.946.106.478	6.195.205.854
TỔNG CỘNG	31.807.162.536	39.732.650.118

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	602.883.589.245	898.091.797.210
Chi phí dịch vụ mua ngoài	45.796.971.008	52.633.417.318
Chi phí nhân công	38.936.645.396	48.888.332.773
Chi phí khấu hao và hao mòn	20.162.176.074	20.741.520.768
Chi phí khác	5.893.013.564	9.082.814.122
TỔNG CỘNG	713.672.395.287	1.029.437.882.191

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Tổng Công ty và công ty con có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với thuế suất 20% thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tổng Công ty và công ty con sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Chi phí thuế TNDN

VND

	Năm nay	Năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	-	-
Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	(1.232.744.712)	(13.790.688)
TỔNG CỘNG	(1.232.744.712)	(13.790.688)



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

26.1 Chi phí thuế TNDN (tiếp theo)

Dưới đây là đối chiếu chi phí thuế TNDN và kết quả của lợi nhuận kế toán trước thuế nhân với thuế suất thuế TNDN:

VND

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	233.942.681.591	242.713.288.481
Thuế TNDN theo thuế suất 20%	46.788.536.318	48.542.657.696
Điều chỉnh:		
Thu nhập từ cổ tức	(44.437.067.969)	(27.154.095.890)
Chi phí không được trừ	3.560.952.812	9.463.625.323
Lợi nhuận từ công ty liên kết	941.817.808	(28.722.568.672)
Lỗ thuế chuyển sang năm sau	-	2.130.032.574
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	(1.960.000.000)
Sử dụng lỗ thuế năm trước chuyển sang	(7.850.345.153)	(2.313.441.719)
Khác	(236.638.528)	-
Chi phí thuế TNDN	(1.232.744.712)	(13.790.688)

26.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TDNN hiện hành phải trả được tính toán dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận được trình bày trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của Tập đoàn được tính theo các thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

26.3 Thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả cùng với biến động trong năm nay và năm trước như sau:

VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận chưa thực hiện	37.589.118	13.790.688	23.798.430	13.790.688
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư	-	(1.208.946.282)	1.208.946.282	-
TỔNG CỘNG	37.589.118	(1.195.155.594)	1.232.744.712	13.790.688

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (TIẾP THEO)

26.4 Lỗ thuế chuyển sang các năm sau

Tập đoàn được phép chuyển các khoản lỗ thuế sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế thu được trong vòng năm (5) năm liên tục kể từ sau năm phát sinh khoản lỗ đó. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, Tập đoàn có khoản lỗ thuế lũy kế ước tính là 10.650.162.868 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2019: 58.454.845.211 VND) có thể sử dụng để bù trừ với lợi nhuận chịu thuế phát sinh trong tương lai. Chi tiết như sau:

VND

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Lỗ tính thuế (*)	Đã chuyển lỗ đến ngày 31 tháng 12 năm 2020	Không được chuyển lỗ	Chưa chuyển lỗ tại ngày 31 tháng 12 năm 2020
2015 (*)	2020	51.180.456.593	(42.627.500.015)	(8.552.956.578)	-
2019	2024	10.650.162.868	-	-	10.650.162.868
TỔNG CỘNG		61.830.619.461	(42.627.500.015)	(8.552.956.578)	10.650.162.868

(*) Lỗ tính thuế theo biên bản quyết toán thuế đến năm 2018.

(**) Lỗ tính thuế ước tính theo tờ khai thuế của Tập đoàn chưa được cơ quan thuế địa phương quyết toán vào ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại đối với số lỗ thuế lũy kế tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 nêu trên do tại thời điểm này, Tập đoàn không thể dự tính được thu nhập chịu thuế trong tương lai.

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Nghiệp vụ với các công ty có liên quan bao gồm tất cả các nghiệp vụ được thực hiện với các công ty mà Tập đoàn có mối liên kết thông qua quan hệ đầu tư/nhận đầu tư hoặc thông qua một nhà đầu tư chung và do đó sẽ là thành viên của cùng một công ty. Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện dựa trên các điều khoản đã được thỏa thuận trong hợp đồng. Số dư các khoản phải thu, phải trả tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty liên quan trong năm bao gồm:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	1.045.398.331.822	1.405.639.641.502
		Cổ tức được nhận	103.416.406.500	21.582.554.400
		Mua hàng hóa	17.658.247.572	-
		Bán tài sản cố định	1.159.574.284	-



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các công ty liên quan trong năm bao gồm: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Năm nay	Năm trước
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	149.289.769.300	41.237.461.000
		Mua hàng hóa	1.727.000.000	3.148.365.720
		Cổ tức được nhận	-	796.567.843
KDNB	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	605.098.303.610	367.389.740.455
		Phí dịch vụ gia công dầu	13.904.749.982	21.560.919.305
		Mua hàng hóa	44.570.819.140	13.910.508.045
		Cung cấp dịch vụ	1.119.049.335	1.229.550.136
		Bán tài sản cố định	654.500.000	-
		Lãi phạt trả chậm	-	737.217.413
Calofic	Công ty liên kết	Cổ tức được nhận	118.768.933.346	113.391.357.209
Công ty Cổ phần Tập đoàn Kido ("KDC")	Công ty mẹ	Cổ tức đã trả	74.541.600.000	74.541.600.000
		Mua hàng hóa	30.720.206.955	10.837.455.235
		Thuê văn phòng	2.617.898.400	2.426.117.184
		Cung cấp dịch vụ	539.912.137	-
		Bán tài sản cố định	-	58.115.000.000
		Lợi nhuận phân chia từ HĐHTKD	-	41.799.168.000

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng (Thuyết minh số 5)				
KDNB	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và cung cấp dịch vụ	190.641.383.829	94.377.014.805
Nakydaco	Bên liên quan	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	52.447.885.020	2.723.066.228
TAC	Công ty liên kết	Bán nguyên vật liệu và hàng hóa	16.620.135.840	91.839.746.185
KDC	Công ty mẹ	Cung cấp dịch vụ	89.624.700	253.438.373
		Bán tài sản cố định	-	19.926.500.000
			259.799.029.389	209.119.765.591



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (TIẾP THEO)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau: (tiếp theo)

VND

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu khác (Thuyết minh số 6)				
TAC	Công ty liên kết	Cổ tức được chia	17.985.462.000	-
KDC	Công ty mẹ	Đặt cọc thuê văn phòng	1.294.777.247	1.294.777.247
KDNB	Công ty liên kết	Cho mượn hàng hóa	-	29.876.487.030
		Lãi phạt trả chậm	-	737.217.413
			19.280.239.247	31.908.481.690
Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh số 12)				
KDC	Công ty mẹ	Mua dịch vụ	44.000.000	882.632.810
Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh số 16)				
TAC	Công ty liên kết	Mượn hàng hóa	4.299.618.000	-
KDNB	Công ty liên kết	Mượn hàng hóa	-	3.257.665.600
			4.299.618.000	3.257.665.600

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

VND

	Năm nay	Năm trước
Hội đồng Quản trị	420.000.000	420.000.000
Ban Kiểm soát	171.300.000	227.000.000
Ban Giám đốc	5.358.459.200	4.647.532.862
TỔNG CỘNG	5.949.759.200	5.294.532.862



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

B09-DN/HN

28. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo các hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

	VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dưới 1 năm	2.567.069.280	2.518.534.080
Từ 1 đến 5 năm	3.422.759.040	5.876.579.520
TỔNG CỘNG	5.989.828.320	8.395.113.600

29. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.


Nguyễn Hoàng Sang
Người lập
Ngày 19 tháng 3 năm 2021


Hồ Minh Sơn
Kế toán trưởng


Nguyễn Thị Xuân Liễu
Tổng Giám đốc

Nhằm góp phần bảo vệ môi trường, Báo cáo thường niên 2020 của Vocarimex được in với số lượng có hạn và sử dụng loại giấy thân thiện với môi trường. Vì vậy, khi không còn nhu cầu sử dụng, Quý vị vui lòng chuyển cho những người có quan tâm.

Ngoài ra, Báo cáo thường niên 2020 của Vocarimex còn được công bố bằng phiên bản điện tử, Quý vị quan tâm vui lòng truy cập **website: vocarimex.com.vn**



TỔNG CÔNG TY CÔNG NGHIỆP DẦU THỰC VẬT VIỆT NAM - CTCP

📍 58 Nguyễn Bình Khiêm, P. Đa Kao, Q.1, TP.HCM

☎ (84.28) 3829 4513

✉ vocar@vocarimex.com.vn

☎ (84.28) 3829 0586

🌐 www.vocarimex.com.vn